

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Chương trình đào tạo áp dụng cho khoá tuyển sinh năm 2019 và được thông qua bởi Hội đồng Khoa học & Đào tạo Khoa Giáo dục Tiểu học)

NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH:	GIÁO DỤC TIỂU HỌC
TÊN TIẾNG ANH:	PRIMARY EDUCATION
MÃ NGÀNH:	32201
KHÖI NGÀNH:	SƯ PHẠM
KHOA QUẢN LÝ:	GIÁO DỤC TIỂU HỌC
TRÌNH ĐỘ:	ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO:	CHÍNH QUY

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
TRUNG TÂM HỌC LIỆU
VÀ E-LEARNING

ĐÀ NẴNG - 2019

MỤC LỤC

1. Giới thiệu chung về Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng	3
2. Giới thiệu về Khoa Giáo dục Tiểu học	3
Phần I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	6
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo	6
1.3. Triết lý giáo dục	7
1.4. Mục tiêu đào tạo	7
1.5. Cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp	7
1.6. Điều kiện nhập học, tổ chức đào tạo và điều kiện tốt nghiệp	9
PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	11
2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)	11
2.2. Sự tương thích giữa CDR CTĐT GDTH 2021 với Khung trình độ quốc gia Việt Nam, trình độ đại học (Bậc 6):	12
PHẦN III: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	14
3.1. Cấu trúc chương trình dạy học	14
3.2. Nội dung chương trình đào tạo theo các khối kiến thức	15
3.2.1. Khung chương trình đào tạo	15
3.2.2. Kế hoạch đào tạo	17
3.3.1. Chiến lược giảng dạy	19
3.3.2. Phương pháp kiểm tra và đánh giá	21
Phần IV. CHUẨN ĐẦU RA VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	24
4.1. Chuẩn đầu ra học phần	24
4.2. Tóm tắt nội dung các học phần	33
<u>4.3. Đề cương chi tiết học phần</u>	<u>49</u>

KHÁI QUÁT

1. Giới thiệu chung về Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng

Trường Đại học Sư phạm (<http://www.ued.udn.vn/>) là 1 trong 11 thành viên của Đại học Đà Nẵng, được thành lập theo Nghị định số 32/CP ngày 04-04-1994 của Thủ tướng Chính phủ. Trường Đại học Sư phạm có chức năng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên các cấp; đào tạo cử nhân khoa học; đào tạo sau đại học; giảng dạy các môn khoa học cơ bản cho các trường thành viên của Đại học Đà Nẵng; nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh, thành phố trong cả nước, đặc biệt là khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

Tính đến thời điểm tháng 10 năm 2019, Trường Đại học Sư phạm có 12 Khoa, bao gồm: 1. Khoa Toán; 2. Khoa Tin học; 3. Khoa Vật lý; 4. Khoa Hóa; 5. Khoa Sinh - Môi trường; 6. Khoa Ngữ văn; 7. Khoa Lịch sử; 8. Khoa Địa lý; 9. Khoa Tâm lý - Giáo dục; 10. Khoa Giáo dục Chính trị; 11. Khoa Giáo dục Tiểu học; 12. Khoa Giáo dục Mầm non;

Hiện nay, không tính đội ngũ giảng viên của các cơ sở giáo dục thành viên Đại học Đà Nẵng tham gia giảng dạy tại trường, đội ngũ cán bộ viên chức (CBVC) cơ hữu của Trường gồm 348 người, trong đó: giảng viên chiếm 244 người. Với cơ cấu như sau: giảng viên là GS-PTS: 17 người, tiến sĩ: 93 người, giảng viên chính: 50 người, giảng viên: 177 người. Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật được đầu tư theo hướng hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục. Nhà trường cũng đa dạng hóa và mở rộng loại hình đào tạo. Bên cạnh đào tạo Đại học bậc chính quy với 33 ngành, Nhà trường cũng mở rộng đào tạo sau đại học với tổng cộng 16 ngành Cao học và 05 ngành Nghiên cứu sinh. Đào tạo hệ vừa làm vừa học cũng như đào tạo lưu học sinh nước ngoài cũng được đặc biệt quan tâm. Công tác nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế cũng có những bước tiến mới.

Trong khuôn khổ hợp tác quốc tế, Trường ĐHS - ĐHĐN có quan hệ hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu thuộc các nước Đông Âu, Nga và các nước SNG, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Canada, Úc, Ấn Độ và các nước thuộc khối ASEAN. Nhà trường đã tiếp nhận đào tạo cho trên 550 lưu học sinh thuộc các quốc gia như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, CHDCND Lào...Hiện tại, đang có trên 200 lưu học sinh nhiều nước đang theo học tiếng Việt và các chuyên ngành tại Trường ĐHS - ĐHĐN.

Qua hơn 45 năm xây dựng, phát triển và hơn 20 năm là thành viên của Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Sư phạm đã đào tạo được hàng trăm thạc sĩ và tiến sĩ, hơn 20.000 cử nhân sư phạm và cử nhân khoa học, hơn 14.000 cử nhân cao đẳng sư phạm, 17.500 trung cấp sư phạm tiểu học và mầm non. Chuẩn hoá gần 18.000 giáo viên các cấp, đào tạo gần 5.000 cán bộ quản lý giáo dục.

Nhà trường đã vinh dự được trao tặng nhiều huân chương, cờ thi đua và bằng khen ở nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau: Huân chương Lao động hạng Ba (1985), Huân chương Lao động hạng Nhì (2002), Huân chương Lao động hạng Nhất (2016) cùng nhiều Cờ, Bằng khen khác của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục & Đào tạo và Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng. Năm 2014, Trường ĐHS - ĐHĐN được Bộ Giáo dục và Đào tạo xếp hạng nằm trong 07 trường sư phạm trọng điểm của cả nước. 5 Năm 2016, Nhà trường đã được Trung

tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục, và kiểm định AUN-QA thành công đối với một CTĐT vào năm 2019.

Tầm nhìn của Trường ĐHSP – ĐHĐN đến năm 2030 được xác định là trở thành trường sư phạm trọng điểm quốc gia; đào tạo, nghiên cứu khoa học đạt chuẩn chất lượng khu vực Đông Nam Á trên một số lĩnh vực mũi nhọn; tham vấn có hiệu quả các chủ trương, chính sách về giáo dục và đào tạo. Triết lý giáo dục của Nhà trường là: Toàn diện – Khai phóng – Sáng tạo – Thực nghiệp

Từ cơ sở xuất phát và chiến lược phát triển lâu dài, Trường đã xác định chức năng và nhiệm vụ của trường được thực hiện song hành là đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực và nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ yêu cầu phát triển KT - XH của địa phương, vùng và cả nước.

2. Giới thiệu về Khoa Giáo dục Tiểu học

Theo Nghị định 32 của chính phủ, ngày 4/4/1994, Đại học Đà Nẵng được thành lập, là Đại học vùng khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Thực hiện chủ trương đó, tháng 11/1995 trường CĐSP được nâng cấp thành Trường Đại Sư phạm trên cơ sở trường CĐSP và các khoa cơ bản Toán, Lý, Hóa của trường Đại học Bách khoa. Khoa GD Tiểu học-Mầm non là khoa trong trường Đại học Sư phạm. Năm 1997, Khoa Giáo dục Tiểu học đào tạo khóa học có trình độ Cao đẳng đầu tiên cho 2 ngành Sư phạm Tiểu học và Sư phạm Mầm non. Đến năm 2003, Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non đào tạo khóa học trình độ Đại học ngành Giáo dục Tiểu học đầu tiên. Đến tháng 11/2014, theo yêu cầu mới của trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng, Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non được tách thành 2 khoa và Khoa Giáo dục Tiểu học được thành lập.

Từ 2003 đến nay, Khoa Giáo dục Tiểu học đã có 17 khóa sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học tốt nghiệp ra trường. Phần lớn họ đã có được việc làm ổn định trong các cơ sở giáo dục; nhiều người đã và đang theo học cao học và là những cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên cốt cán tại các trường đại học, trường phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và nhiều tỉnh, thành khác trong cả nước.

Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường ĐHSP - ĐHĐN hiện có đội ngũ giảng viên được đào tạo từ các cơ sở giáo dục có uy tín ở trong nước và nước ngoài. Đội ngũ giảng viên hiện có đảm nhận tốt đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học.

Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi

Sứ mạng

Khoa Giáo dục Tiểu học là nơi đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tiểu học chất lượng cao gắn với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Việt Nam; kết hợp với nghiên cứu, chuyển giao khoa học giáo dục tiểu học và hợp tác phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tầm nhìn

Đến năm 2030, Khoa Giáo dục Tiểu học là nơi đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tiểu học chất lượng cao gắn với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á; kết hợp với nghiên cứu, chuyển giao khoa

học giáo dục tiểu học và hợp tác quốc tế phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Giá trị cốt lõi

- Chất lượng trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và thái độ phục vụ học sinh.
- Sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp, trong giải quyết vấn đề chuyên môn liên quan đến dạy học và giáo dục học sinh; dám nghĩ, dám làm, biến thách thức thành cơ hội, năng động và có tinh thần khởi nghiệp.
- Nhân văn: Đào tạo sinh viên có tình yêu quê hương đất nước, giữ gìn và bảo tồn truyền thống văn hóa dân tộc, có phẩm chất đạo đức yêu nghề mến trẻ, có lòng vị tha, tinh thần hợp tác, tôn trọng lẫn nhau để cùng đạt mục tiêu.
- Tự chủ và học tập suốt đời.

Phần I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Giáo dục tiểu học là cấp học nền tảng trong hệ thống giáo dục quốc dân, có nhiệm vụ xây dựng và phát triển tình cảm, đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ và thể chất của trẻ em, nhằm hình thành cơ sở ban đầu cho sự phát triển toàn diện nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chương trình đào tạo Giáo dục tiểu học nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp để giảng dạy các môn học ở tiểu học nhằm đáp ứng những yêu cầu đổi mới của giáo dục tiểu học trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Chương trình đào tạo ngành GDTH là 130TC; trong đó, khối kiến thức chung 21TC; khối Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 129 tín chỉ. Trong đó Khối kiến thức cơ sở ngành là 52TC; khối kiến thức chuyên ngành và nghiệp vụ sư phạm 55 TC; khối kiến thức thực tập và khóa luận tốt nghiệp 12TC; khối kiến thức tự chọn 10TC.

So với các CTĐT 2017, tổng số TC tích lũy tối thiểu đáp ứng yêu cầu hoàn thành CTĐT GDTH của khóa tuyển sinh 2019 giảm xuống còn 130TC; nội dung và phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá của các HP cũng được cập nhật và cải tiến để giúp SV có thể đạt được các CDR đã được công bố. Đây là sự cải tiến dựa trên xu thế phát triển của xã hội và mong muốn của người học.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

<u>Stt</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Thông tin</u>
<u>1</u>	<u>Tên ngành đào tạo</u>	<u>Giáo dục Tiểu học</u>
<u>2</u>	<u>Mã ngành đào tạo</u>	<u>32201</u>
<u>3</u>	<u>Trình độ đào tạo</u>	<u>Đại học</u>
<u>4</u>	<u>Tên văn bằng tốt nghiệp (Tiếng Việt)</u>	<u>Cử nhân Giáo dục Tiểu học</u>
<u>5</u>	<u>Tên văn bằng tốt nghiệp (Tiếng Anh)</u>	Primary Education
<u>6</u>	<u>Hình thức đào tạo</u>	<u>Chính quy</u>
<u>7</u>	<u>Thời gian đào tạo</u>	<u>4 năm</u>
<u>8</u>	<u>Ngôn ngữ sử dụng</u>	<u>Tiếng Việt</u>
<u>9</u>	<u>Đơn vị đào tạo</u>	<u>Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng</u>
<u>10</u>	<u>Đơn vị cấp bằng</u>	<u>Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng</u>
<u>11</u>	<u>Website</u>	https://pri.ued.udn.vn
<u>12</u>	<u>Cập nhật ngày</u>	<u>8-2019</u>

1.3. Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục của CTĐT gắn liền với Triết lý giáo dục của Trường ĐHSP – ĐHQĐHN, cụ thể:

- Triết lý giáo dục của Trường ĐH Sư phạm – Đại học Đà Nẵng: Toàn diện – Khai phóng – Sáng tạo và Thực nghiệp. Trong đó

+ **Giáo dục toàn diện:** Sản phẩm được đào tạo phải có đầy đủ các yếu tố đức - trí - thể - mỹ, đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

+ **Khai phóng:** Giáo dục hướng tới xây dựng cho người học một nền tảng kiến thức rộng, cung cấp những kỹ năng cần thiết giúp lĩnh hội và vận dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau, đồng thời có chuyên môn sâu ở một lĩnh vực nhất định.

+ **Sáng tạo:** Sáng tạo là đặc tính riêng có của con người, và là yêu cầu cần thiết đối với người làm khoa học. Hình thành tư duy sáng tạo, độc lập là cơ sở để tạo ra những sáng kiến, phát minh khoa học trong nghiên cứu và giảng dạy của người giáo viên.

+ **Thực nghiệp:** Thực nghiệp có vai trò quan trọng trong đào tạo, học phải đi đôi với hành, những kiến thức được tiếp nhận từ nhà trường phải vận dụng linh hoạt vào quá trình làm việc sau khi tốt nghiệp.

- **Triết lý giáo dục của Khoa Giáo dục Tiểu học:** Thực học – Thực nghiệp – Sáng tạo – Toàn diện và Khai phóng.

1.4. Mục tiêu đào tạo

1.4.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Giáo dục Tiểu học với các mục tiêu: Có phẩm chất cá nhân, đạo đức chuẩn mực của một nhà giáo; Áp dụng được kiến thức cơ sở, cơ sở ngành và chuyên ngành để triển khai các hoạt động giáo dục và dạy học ở cấp Tiểu học; Có kỹ năng khám phá kiến thức, tư duy sáng tạo; kỹ năng tìm hiểu người học; kỹ năng thiết kế các hoạt động giáo dục, quản lý lớp học và dạy học; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng dạy học tích cực; kỹ năng phân tích chương trình, sách giáo khoa; kỹ năng nghiên cứu khoa học sư phạm để cải tiến chất lượng giáo dục, dạy học; kỹ năng tự học và phát triển bản thân; Có kỹ năng hợp tác, giao tiếp với đồng nghiệp, học sinh và cộng đồng; kỹ năng hỗ trợ, phối hợp chuyên môn với đồng nghiệp; kỹ năng ứng xử sư phạm để thích ứng với môi trường giáo dục, giáo dục hòa nhập ở cấp Tiểu học; Có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, vận dụng và thực hiện các hoạt động giáo dục, dạy học ở các trường tiểu học trong bối cảnh toàn cầu hóa.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp ngành Giáo dục Tiểu học có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

- **PO1:** Thể hiện phẩm chất cá nhân;
- **PO2:** Thể hiện đạo đức, phong cách chuẩn mực của một nhà giáo;
- **PO3:** Áp dụng sự am hiểu về tâm lý học lứa tuổi để tổ chức các hoạt động giáo dục và dạy học học sinh tiểu học;
- **PO4:** Phân tích nội dung kiến thức các môn học để lựa chọn hình thức và phương pháp dạy học hiệu quả;
- **PO5:** Vận dụng kiến thức chuyên ngành để thiết kế, thực hiện dạy học, hoạt động trải nghiệm, giáo dục học sinh, học sinh hòa nhập;
- **PO6:** Phân tích và giải quyết tốt các tình huống giáo dục, dạy học ở trường tiểu học;
- **PO7:** Tìm hiểu người học, tác động môi trường đến giáo dục học sinh;
- **PO8:** Thiết kế và thực hiện các hoạt động giáo dục, dạy học lấy người học làm trung tâm;
- **PO9:** Nâng cao chất lượng giáo dục và dạy học ở trường tiểu học;
- **PO10:** Phân tích và phát triển chương trình giáo dục và dạy học ở trường tiểu học;
- **PO11:** Kỹ năng quản trị và phát triển bản thân;
- **PO12:** Xây dựng mối quan hệ, hợp tác thân thiện với đồng nghiệp, với học sinh và phụ huynh;
- **PO13:** Chia sẻ kinh nghiệm, học tập chuyên môn lẫn nhau trong trường tiểu học;
- **PO14:** Ứng xử sư phạm với học sinh, đồng nghiệp và cộng đồng;
- **PO15:** Hiểu được tầm quan trọng của bối cảnh xã hội tác động đến hoạt động giáo dục, dạy học ở trường tiểu học;
- **PO16:** Tôn trọng sự khác biệt và thực hiện dạy học thành công trong trường tiểu học
- **PO17:** Hình thành những phương pháp giáo dục, dạy học, bao gồm việc thiết kế nội dung, tổ chức thực hiện và đánh giá;
- **PO18:** Thiết kế các chủ đề dạy học tích hợp liên môn phát triển năng lực học sinh;
- **PO19:** Thực hiện lập kế hoạch dạy học phân hóa, hòa nhập và đánh giá người học;
- **PO20:** Tổ chức giáo dục và dạy học theo kế hoạch đã định, sẵn sàng ứng phó với sự thay đổi hay những tình huống phức tạp có thể xảy ra trong nhà trường tiểu học.

1.5. Cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp

1.5.1. Cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học của Trường ĐHSP - ĐHQĐHN có thể đảm nhiệm tốt các công việc sau đây:

- Giáo viên giảng dạy tại các trường tiểu học, trường quốc tế, tư thục, giáo viên dạy hòa nhập và các trường chuyên biệt trong cả nước.
- Có thể làm Tổ trưởng chuyên môn, Phó hiệu trưởng, Hiệu trưởng ở các trường tiểu học.
- Có thể làm công tác giảng dạy tại khoa Giáo dục Tiểu học các trường trung học sư phạm, cao đẳng sư phạm và đại học sư phạm trong cả nước.
- Có thể làm công tác nghiên cứu tại các trung tâm, viện nghiên cứu giáo dục.
- Có thể làm chuyên viên và cán bộ quản lý tại các Phòng GD&ĐT quận, Sở...

1.5.2. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có năng lực tự học và học tập suốt đời, có thể học tập nâng cao trình độ lên thạc sĩ, tiến sĩ các chuyên ngành thuộc lĩnh vực giáo dục tiểu học, quản lý giáo dục ở trong và ngoài nước.
- Có thể thực hiện được các đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm và khoa học giáo dục ở các cấp quản lý khác nhau.

1.6. Điều kiện nhập học, tổ chức đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.6.1. Điều kiện nhập học

Hình thức tuyển sinh và điều kiện nhập học được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của ĐHQĐHN và Trường ĐHSP - ĐHQĐHN. Chi tiết về thông tin tuyển sinh và điều kiện nhập học được đăng trên website: <http://tuyensinh.ued.udn.vn/> và <https://pri.ued.udn.vn>.

1.6.2. Tổ chức đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

- Chương trình được tổ chức đào tạo trong 4 năm học. Mỗi năm gồm 2 học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có 15 tuần học và 3 tuần thi. Ngoài 2 học kỳ chính, Nhà trường còn tổ chức thêm một học kỳ phụ (học kì hè) để sinh viên có thể học vượt, học lại hoặc cải thiện điểm; mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần học và 1 tuần thi.

- Để được công nhận tốt nghiệp SV phải đạt CĐR Tin học theo quy định về CĐR Tin học của Trường ĐHSP-ĐHQĐHN (ban hành kèm theo Quyết định số 543/QĐ-ĐT ngày 04 tháng 11 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm). Thông tin chi tiết được đăng tải tại địa chỉ: <http://daotao.ued.udn.vn/?p=262>.

- Đối với những SV học ngoại ngữ Tiếng Anh, để được công nhận tốt nghiệp sinh viên phải đạt CĐR tương đương cấp độ B1 – Khung tham chiếu về trình độ ngoại ngữ chung châu Âu (Common European Framework of Reference for Languages – CEFR). Thông tin chi tiết về chuẩn đầu ra ngoại ngữ và bảng tham chiếu quy đổi điểm các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế so với chuẩn B1 châu Âu được đăng tại: <http://daotao.ued.udn.vn/?p=119> và <http://daotao.ued.udn.vn/?p=414>.

- Khối lượng tín chỉ tích lũy tối thiểu để hoàn thành CTĐT là 130 TC, trong đó có 120TC của các HP bắt buộc và tối thiểu 10TC của các HP tự chọn.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

Người học khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng có khả năng:

- **PLO1.** Thực hiện và giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, tác phong, chuẩn mực của một nhà giáo, tâm huyết và trách nhiệm với nghề nghiệp.

- **PLO2.** Hiểu rõ tâm lý học sinh và môi trường giáo dục để vận dụng các phương pháp giáo dục, dạy học một cách có hiệu quả, tôn trọng sự khác biệt.

- **PLO3.** Vận dụng các kiến thức cơ sở ngành để tổ chức, phối hợp các hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường; xây dựng, quản lý và sử dụng hồ sơ giáo dục ở trường tiểu học.

- **PLO4.** Vận dụng kiến thức chuyên ngành, phương pháp và kỹ thuật dạy học bộ môn để lập kế hoạch, thiết kế bài giảng và tổ chức dạy học trên lớp một cách hiệu quả.

- **PLO5.** Áp dụng các hình thức dạy học phù hợp để phát triển năng lực học sinh.

- **PLO6.** Thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học.

- **PLO7.** Xây dựng môi trường giáo dục hợp tác thân thiện, hỗ trợ và chia sẻ trong các hoạt động chuyên môn với đồng nghiệp, học sinh và các bên liên quan; tạo lập môi trường văn hóa trong và ngoài trường học.

- **PLO8.** Sử dụng ngoại ngữ để học tập nâng cao trình độ, giao tiếp hợp tác trong bối cảnh toàn cầu hóa, đạt chuẩn B1 khung Châu Âu;

- **PLO9.** Khai thác công nghệ thông tin và truyền thông phục vụ hoạt động dạy học và giáo dục cũng như tự học của bản thân, có chứng chỉ Tin học cơ bản ứng dụng.

- **PLO10.** Biết sử dụng các công cụ và tổ chức kiểm tra đánh giá năng lực học sinh, tư vấn, hỗ trợ, chăm sóc học sinh trong quá trình rèn luyện và học tập.

- **PLO11.** Thực hiện cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục và dạy học ở trường tiểu học.

- **PLO12.** Phân tích và phát triển chương trình giáo dục, dạy học ở trường tiểu học.

- **PLO13.** Thực hiện lập kế hoạch giáo dục, dạy học và đánh giá học sinh hòa nhập.

- **PLO14.** Sẵn sàng thích ứng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

- **PLO15.** Phát triển bản thân, chuyên môn nghiệp vụ và học tập suốt đời.

Bảng 1. Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

PO PLO	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5
PLO1	x				
PLO2		x			
PLO3		x	x		
PLO4			x		
PLO5			x		
PLO6			x		
PLO7				x	
PLO8			x	x	
PLO9			x	x	
PLO10		x	x		
PLO11			x		x
PLO12			x		
PLO13				x	
PLO14					x
PLO15			x		

2.2. Sự tương thích giữa CĐR CTĐT GDTH 2021 với Khung trình độ quốc gia Việt Nam, trình độ đại học (Bậc 6):

Bảng 2. Ma trận đối sánh CĐR của CTĐT với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

CĐR theo Khung trình độ QG	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
CĐR.1												x	x	x	x
CĐR.2	x	x				x				x					
CĐR.3	x	x			x	x									x
CĐR.4	x			x		x						x			x
CĐR.5	x					x								x	

CĐR.6	x					x				x		x	x		
CĐR.7	x			x	x		x		x				x	x	
CĐR.8		x									x				
CĐR.9			x										x		
CĐR.10	x						x							x	
CĐR.11					x	x		x						x	
CĐR.12	x	x						x						x	
CĐR.13	x	x		x		x								x	
CĐR.14		x										x			
CĐR.15	x								x	x					

Bảng 3. Mô tả chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo. KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật. KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc. KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể. KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	KN1: Kỹ năng chuyên môn, nghề nghiệp cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp của ngành đào tạo. KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác. KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi. KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp. KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. TCTN3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. TCTN4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

PHẦN III: NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

3.1. Cấu trúc chương trình dạy học

Cấu trúc của CTDH bao gồm 155 TC của 68 HP (tính cả các HP Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng) được chia thành 2 khối kiến thức chính: Khối kiến thức chung và Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Trong đó Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm: Khối kiến thức cơ sở ngành, Khối kiến thức chuyên ngành, Khối kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm, Khối kiến thức Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp. Cụ thể:

- Khối kiến thức chung bao gồm 15 TC của 12 HP bắt buộc (tính cả các HP Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng) với các nội dung về tin học đại cương, pháp luật, chính trị, rèn luyện thể chất và an ninh quốc phòng. Khối kiến thức này hình thành một số kỹ năng cần thiết, cũng như ý thức và trách nhiệm đối với bản thân và xã hội.

- Khối kiến thức cơ sở ngành bao gồm 50TC của 19 HP bắt buộc (trong đó có 30TC lý thuyết + 20TC thực hành) với các kiến thức đại cương về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội. Khối kiến thức này sẽ là nền tảng kiến thức cơ sở cần thiết để người học tiếp cận và phát triển các kiến thức chuyên ngành. Ngoài ra, khối kiến thức cơ sở ngành còn cung cấp cái nhìn tổng quan về ngành GDTH và phát triển một số kỹ năng của người học nhằm đáp ứng một số năng lực quan trọng trong các CĐR.

- Khối kiến thức Phương pháp và nghiệp vụ sư phạm bao gồm 78TC của 19 HP được chia thành 2 nhóm: Nhóm HP bắt buộc gồm 19 HP với 78TC (29TC lý thuyết + 26TC thực hành) và 24 HP tự chọn hoặc tự chọn bắt buộc với 35TC (15TC lý thuyết + 20TC thực hành). Nội dung của khối kiến thức này cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản và chuyên sâu và các kiến thức và kỹ năng cơ bản liên quan đến nghiệp vụ sư phạm giảng dạy ngành GDTH, từ đó hình thành cho người học các năng lực chuyên môn đáp ứng các CĐR.

- Khối kiến thức Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp bao gồm 12TC. Nội dung của khối kiến thức này cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản liên quan đến thực tập, kiến tập sư phạm, Chuyên luận tốt nghiệp hoặc Khóa luận tốt nghiệp.

Bảng 4. Các khối kiến thức và số tín chỉ.

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số tín chỉ		
			Bắt buộc	Tự chọn	
				Bắt buộc	Tự do
A	Khối kiến thức chung	15	15	0	0
B	Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	140	105	10	25
I	Khối kiến thức Cơ sở ngành	50	50	0	0
II	Khối kiến thức PP và nghiệp vụ	78	49	10	19
III	Khối kiến thức Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	12	6	0	6
Tổng		155	120	10	25
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu		130	120	10	

Ghi chú: Chương trình trên chưa bao gồm các học phần bắt buộc về Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - An ninh và Ngoại ngữ.

3.2. Nội dung chương trình đào tạo theo các khối kiến thức

3.2.1. Khung chương trình đào tạo

T T	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			Học phần h.trước/t.quyết	Khoa Giảng dạy
			T C	LT	TH		
		KHỐI KIẾN THỨC CHUNG					
1	212 2 1512	Triết học Mác –Lênin	3	3	0		GDCT
2	213 3 1513	Kinh tế chính trị Mác –Lênin	2	2	0		GDCT
3	212 2 1903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0		
4	213 2 1922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0		GDCT
5	212 3 1225	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0		GDCT
6	312 2 1885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2	1	1		TIN
7	316 2 1549	Pháp luật đại cương	2	2	0		GDCT
8	001 0 1265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(1)		GDTC
9	001 0 1266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(1)		GDTC
10	001 0 1267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(1)		GDTC
11	001 0 1268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(1)		GDTC
12	002 0 1264	Giáo dục quốc phòng	(4 t)		(4t)		GDQP
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	1 5	14	1		
		KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH					
13	322 2 1155	Nhập môn Giáo dục tiểu học	2	1	1		GDTH
14	320 4 1729	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	4	3	1		TL-GD
15	320 2 1258	Giáo dục học tiểu học 1	2	1	1		TL-GD
16	320 3 1259	Giáo dục học tiểu học 2	3	2	1	320 2 1258	TL-GD
17	320 2 1274	Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học	2	1	1		TL-GD
18	320 2 1254	Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học	2	1	1	320 4 1729	TL-GD
19	322 2 1601	Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở tiểu học	2	1	1	322 2 1767	GDTH
20	320 2 1641	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	1	1		TL-GD
21	322 2 1876	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	2	1	1		GDTH
22	322 4 1093	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	4	3	1		GDTH
23	322 4 1094	Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	4	3	1	322 4 1093	GDTH
24	322 4 1967	Văn học thiếu nhi	4	3	1		GDTH
25	322 2 1891	Tổ chức hoạt động Đội thiếu niên và Sao nhi đồng	2	1	1		GDTH
26	322 3 1088	Cơ sở Toán học 1 của môn Toán ở tiểu học	3	2	1		GDTH
27	322 3 1089	Cơ sở Toán học 2 của môn Toán ở	3	2	1	322 3 1088	GDTH

			tiểu học					
28	322	2	1683	Sinh lí học trẻ em	2	1	1	GDTH
29	322	2	1927	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học	2	1	1	312 2 1576; 1574 GDTH
30	322	2	1767	Xác suất và Thống kê trong giáo dục tiểu học	2	1	1	GDTH
31	322	2	1262	Giáo dục môi trường cho HS tiểu học	2	1	1	GDTH
32	322	2	1890	Tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học	3	2	1	322 4 1094 GDTH
			TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	50	30	20		
			KHỐI KIẾN THỨC PHƯƠNG PHÁP VÀ NGHIỆP VỤ					
33	322	4	1576	Phương pháp dạy học toán ở tiểu học	4	3	1	322 3 1089* GDTH
34	322	3	1826	Thực hành vận dụng phương pháp dạy học toán ở tiểu học	3	2	1	322 4 1576 GDTH
35	322	3	1827	Thực hành giải toán ở tiểu học	3	2	1	322 3 1826 GDTH
36	322	4	1574	Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1 ở tiểu học	4	3	1	322 4 1094* GDTH
37	322	4	1575	Phương pháp dạy học Tiếng Việt 2 ở tiểu học	4	3	1	322 4 1574 GDTH
38	322	3	1080	Cơ sở Khoa học Tự nhiên và phương pháp dạy học ở tiểu học	3	2	1	GDTH
39	322	3	1081	Cơ sở Khoa học Xã hội và phương pháp dạy học ở tiểu học	3	2	1	322 3 1080 GDTH
40	322	3	1773	Công nghệ và phương pháp dạy học ở tiểu học	3	2	1	GDTH
41	322	2	1894	Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho HS tiểu học	2	1	1	GDTH
42	322	4	1008	Âm nhạc và PP giáo dục âm nhạc ở tiểu học	3	2	1	GDTH
43	322	4	1477	Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật ở tiểu học	4	3	1	GDTH
44	322	2	1920	Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học	2	1	1	GDTH
45	322	2	1581	Đạo đức và Phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học	2	1	1	GDTH
46	322	2	1357	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	2	1	1	322 1576; 1575; 1081 GDTH
47	322	2	1667	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 1 ở tiểu học	2	0	2	322 1576; 1574; 1826 GDTH
48	322	2	1668	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 2 ở tiểu học	2	0	2	322 2 1667 GDTH
49	322	2	1669	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 3 ở tiểu học	2	0	2	322 2 1668 GDTH
50	303	3	1845	Kiến tập sư phạm	3	0	3	
51	303	3	1846	Thực tập sư phạm	3	0	3	303 3 1845
			TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	55	29	26		
			HỌC PHẦN TỰ CHỌN					
52	331	2	1252	<i>Giáo dục giới tính và phương pháp</i>	2	1	1	322 2 1683 SINH-

				<i>giáo dục giới tính</i>					MT
53	320	2	1373	<i>Kỹ năng tham vấn học đường</i>	2	1	1	320 4 1729	TL-GD
54	317	2	1091	<i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i>	2	1	1		GDTH
55	312	2	1884	<i>Tin học chuyên ngành 2</i>	2	1	1	312 2 1885	TIN
56	322	2	1156	<i>Phát triển lời nói cho HS tiểu học trên bình diện ngữ âm</i>	2	1	1		TL-GD
57	322	2	1160	<i>Dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học</i>	2	1	1		GDTH
58	322	2	1260	<i>Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học</i>	2	1	1		GDTH
59	322	2	1700	<i>Sử dụng phương pháp bàn tay nặn bột trong dạy học tiểu học</i>	2	1	1		GDTH
60	322	2	1889	<i>Các mô hình dạy học hiệu quả của trường tiểu học</i>	2	1	1		GDTH
61	322	2	1163	<i>Dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học</i>	2	1	1		GDTH
62	322	2	1550	<i>Phát triển chương trình giáo dục tiểu học</i>	2	1	1	322 4 1576; 1575	GDTH
63	322	2	1157	<i>Dạy học Khoa học theo tiến trình tìm tòi, khám phá ở tiểu học</i>	2	1	1		
64	322	2	1158	<i>Kỹ thuật dạy học Lịch sử - Địa lý ở tiểu học</i>	2	1	1		
65	322	2	1163	<i>Dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học</i>	2	1	1		
66	322	3	1159	<i>Số học ở tiểu học</i>	3	2	1		
67	322	6	1338	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	6	0	6		GDTH
				TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	35	15	20		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA					155	79	76		
Tổng số tín chỉ tích lũy bắt buộc					120	73	47		
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu					10				

3.2.2. Kế hoạch đào tạo

HỌC KỲ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Ghi chú
			TC	LT	TH		
					L1	L2	
1	322 2 1155	Nhập môn Giáo dục Tiểu học	2	1	1	0	
	320 4 1729	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	4	3	1	0	
	320 2 1258	Giáo dục học tiểu học 1	2	1	1	0	
	322 3 1088	Cơ sở Toán học 1 của môn Toán ở tiểu học	3	2	1	0	
	322 4 1093	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	4	3	1	0	
	322 4 1967	Văn học thiếu nhi	4	3	1	0	
		Học phần tự chọn:					
	001 0 1265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(0)	(1)	
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		19	13	6	0	
2	212 3 1902	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	0	
	312 2 1885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2	1	0	1	

	322	3	1089	Cơ sở Toán học 2 của môn Toán ở tiểu học	3	2	1	0	
	322	4	1094	Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	4	3	1	0	
	320	3	1259	Giáo dục học tiểu học 2	3	2	1	0	
				Học phần tự chọn:					
	001	0	1266	<i>Giáo dục thể chất 2</i>	(1)	(0)	(0)	(1)	
	002	0	1264	<i>Giáo dục quốc phòng</i>	(4t)				
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :				15	11	3	1	
3	213	2	1901	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0	0	
	316	2	1549	Pháp luật đại cương	2	2	0	0	
	322	2	1767	Xác suất và Thống kê trong giáo dục tiểu học	2	1	1	0	
	322	2	1876	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	2	1	1	0	
	322	3	1008	Âm nhạc và PP giáo dục âm nhạc ở tiểu học	3	2	1	0	
	322	3	1081	Cơ sở Khoa học Xã hội và phương pháp dạy học ở tiểu học	3	2	1	0	
	322	2	1894	Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho HS tiểu học	2	1	1	0	
				Học phần tự chọn:					
	001	0	1267	<i>Giáo dục thể chất 3</i>	(1)	(0)	(0)	(1)	
	320	2	1373	<i>Kỹ năng tham vấn học đường</i>	2	1	1	0	
	317	2	1091	<i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i>	2	1	1	0	
	331	2	1252	<i>Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính</i>	2	1	1	0	
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :				22	14	8	0	
4	212	2	1903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	0	
	322	2	1920	Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học	2	1	1	0	
	322	4	4021	Đại cương phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	4	3	1	0	
	322	4	1576	Phương pháp dạy học toán ở tiểu học	4	3	1	0	
	322	2	1773	Công nghệ và phương pháp dạy học ở tiểu học	2	1	1	0	
	322	2	1683	Sinh lí học trẻ em	2	1	1	0	
	322	2	1667	Rèn luyện kĩ năng sư phạm 1 ở tiểu học	2	0	2	0	
				Học phần tự chọn:					
	001	0	1268	<i>Giáo dục thể chất 4</i>	(1)	(0)	(0)	(1)	
	322	2	1700	<i>Sử dụng phương pháp bàn tay nặn bột trong dạy học tiểu học</i>	2	1	1	0	
	322	2	1884	<i>Tin học chuyên ngành 2</i>	2	1	1	0	
	322	2	1156	<i>Phát triển lời nói cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm</i>	2	1	1	0	
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :				24	14	10	0	
5	212	2	1904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	0	
	322	2	1601	Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở tiểu học	2	1	1	0	
	322	3	1080	Cơ sở Khoa học Tự nhiên và phương pháp dạy học ở tiểu học	3	2	1	0	
	322	4	4095	Phương pháp dạy học các phân môn Tiếng Việt ở tiểu học	4	3	1	0	
	322	3	4141	Thực hành vận dụng phương pháp dạy học toán ở tiểu học	3	2	1	0	
	322	4	1477	Mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật ở tiểu học	4	3	1	0	
	322	2	1668	Rèn luyện kĩ năng sư phạm 2 ở tiểu học	2	0	2	0	

				Học phần tự chọn:					
	322	2	1550	<i>Phát triển chương trình giáo dục tiểu học</i>	2	1	1	0	
	322	2	1158	<i>Kỹ thuật dạy học Lịch sử - Địa lý ở tiểu học</i>	2	1	1	0	
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :				24	15	9	0	
6	213	2	1922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0	
	320	2	1274	Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học	2	1	1	0	
	322	2	1891	Tổ chức hoạt động Đội thiếu niên và Sao nhi đồng	2	0	0	2	
	322	2	1927	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học	2	1	1	0	
	322	3	4139	Thực hành giải toán ở tiểu học	3	2	1	0	
	322	2	1689	Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học	2	1	1	0	
	320	2	1254	Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học	2	1	1	0	
	322	2	1669	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 3 ở tiểu học	2	0	2	0	
				Học phần tự chọn:					
	322	2	1157	<i>Dạy học khoa học theo tiến trình tìm tòi, khám phá ở tiểu học</i>	2	1	1	0	
	322	2	1677	<i>Các mô hình dạy học hiệu quả của trường tiểu học</i>	2	1	1	0	
	322	2	1163	<i>Dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học</i>	2	1	1	0	
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :				0	0	0	0	
7	320	2	1641	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	1	1	0	
	322	3	1890	Tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học	3	2	1	0	
	322	2	1357	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	2	1	1	0	
	322	2	1262	Giáo dục môi trường cho HS tiểu học	2	1	1	0	
	303	2	1361	Kiến tập sư phạm	2	0	2	0	
				Học phần tự chọn:					
	322	2	1160	<i>Dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học</i>	2	1	1	0	
	322	2	1260	<i>Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học</i>	2	1	1	0	
	322	3	1159	<i>Số học ở tiểu học</i>	3	2	1	0	
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :				18	9	9	0	
8	303	4	1843	Thực tập sư phạm	4	0	4	0	
				Học phần tự chọn:					
	303	6	1338	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	6	0	6	0	
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :				10	0	10	0	

Ghi chú: - Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa học).

- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.

3.3. Chiến lược giảng dạy, học tập và kiểm tra, đánh giá

3.3.1. Chiến lược giảng dạy

Nhằm giúp sinh viên đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học, Trường đã thiết kế các chiến lược và phương pháp dạy học cụ thể như sau:

a. Chiến lược DH trực tiếp: DH trực tiếp là chiến lược DH trong đó thông tin được

chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giáo viên trình bày và HV lắng nghe. Chiến lược DH này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một số kỹ năng mới.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được CTĐT ngành GD Tiểu học áp dụng gồm phương pháp Thuyết trình nêu vấn đề, dạy học hợp tác, phát hiện và GQVĐ, thực hành, ...

b. Chiến lược dạy gián tiếp: SV được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ HĐ giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giảng viên. Đây là tiến trình DH tiếp cận hướng đến SV, lấy SV làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến SV mà thay vào đó, SV được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề. Các phương pháp, kỹ thuật giảng dạy theo chiến lược này gồm giải quyết vấn đề, nghiên cứu điển hình, lớp học đảo ngược, sơ đồ tư duy.

c. Học trải nghiệm: Học trải nghiệm là chiến lược DH trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Chiến lược học tập trải nghiệm thường được sử dụng đồng nghĩa với giáo dục trải nghiệm, nhưng thực tế giáo dục trải nghiệm là một triết lý giáo dục rộng hơn, học tập trải nghiệm xem xét quá trình học tập của cá nhân. Học tập trải nghiệm quan tâm đến các vấn đề cụ thể liên quan đến người học và bối cảnh học tập. Các phương pháp, kỹ thuật giảng dạy theo chiến lược này gồm: mô phỏng, trò chơi, tham quan, trải nghiệm thực tế, đóng vai, DH qua tình huống, ...

d. Dạy học tương tác: Tương tác chủ yếu dựa vào thảo luận và chia sẻ giữa những người tham gia. Thảo luận và chia sẻ cung cấp cho người học cơ hội để *“phản ứng với những ý tưởng, kinh nghiệm, hiểu biết sâu sắc và kiến thức của GV hoặc của người học đồng lứa và tạo ra những cách suy nghĩ và cảm nhận thay thế”*. SV có thể học hỏi từ các bạn cùng lớp và giảng viên để phát triển các kỹ năng và khả năng xã hội, sắp xếp suy nghĩ của mình và phát triển các lập luận hợp lý.

Chiến lược DH tương tác cho phép một loạt các nhóm và phương pháp tương tác. Chúng có thể bao gồm các cuộc thảo luận toàn lớp, các cuộc thảo luận nhóm nhỏ hoặc các dự án, hoặc các cặp hoặc bộ ba SV làm việc cùng nhau trên các bài tập. Điều quan trọng là GV phải phác thảo chủ đề, thời lượng thảo luận, thành phần và quy mô của các nhóm, và các kỹ thuật báo cáo hoặc chia sẻ. Hướng dẫn tương tác đòi hỏi sự tinh chỉnh của các kỹ năng và khả năng quan sát, lắng nghe, giao tiếp của GV và SV. Các phương pháp, kỹ thuật giảng dạy theo chiến lược này gồm: đóng vai, tranh luận, thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề, seminar, vấn đáp, động não, khăn trải bàn, ...

e. Học tập độc lập: Học tập độc lập đề cập đến một loạt các phương pháp giảng dạy

được cung cấp có mục đích để thúc đẩy sự phát triển của cá nhân SV chủ động, tự lực và tự hoàn thiện. Mặc dù việc học độc lập có thể do SV hoặc giảng viên bắt đầu, trọng tâm ở đây sẽ là nghiên cứu độc lập có kế hoạch của SV dưới sự hướng dẫn hoặc giám sát của giảng viên đứng lớp. Ngoài ra, học tập độc lập có thể bao gồm học tập trong sự hợp tác với một cá nhân khác hoặc như một phần của một nhóm nhỏ. Các phương pháp, kỹ thuật giảng dạy theo chiến lược này gồm: tự học, DH dự án, nghiên cứu khoa học, sơ đồ tư duy, ...

Các phương pháp giảng dạy và học tập nói trên giúp SV đạt được chuẩn đầu ra CTĐT, thể hiện trong bảng dưới đây:

3.3.2. Phương pháp kiểm tra và đánh giá

Các học phần được đánh giá dựa theo một hoặc nhiều phương pháp sau:

- Đánh giá chuyên cần: Đánh giá ý thức học tập chuyên cần và tính độc lập, sáng tạo của người học (điểm danh sự có mặt của người học, ý thức, thái độ trong việc chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, xây dựng bài của người học trên lớp).

- Đánh giá bài tập: Đánh giá mức độ hoàn thành của sinh viên đối với các bài tập được giảng viên giao liên quan đến bài học ở trong và sau giờ lên lớp. Những bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và cho điểm trên cơ sở những tiêu chí đã được thông báo từ trước.

- Nhóm phương pháp kiểm tra viết: Phương pháp kiểm tra viết gồm bài kiểm tra dạng tự luận và kiểm tra viết dạng trắc nghiệm khách quan.

Đối với phương pháp kiểm tra viết tự luận, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hoặc ý kiến cá nhân về các câu hỏi liên quan đến các yêu cầu tiêu chuẩn của học phần, khóa học. Phương pháp kiểm tra này được chia thành hai loại: Bài luận dài và Bài luận ngắn.

Đối với phương pháp kiểm tra trắc nghiệm khách quan, sinh viên trả lời các loại hình câu hỏi hoặc bài tập mà các phương án trả lời đã có sẵn hoặc nếu sinh viên viết câu trả lời thì câu trả lời thì câu trả lời phải là câu ngắn và chỉ duy nhất có một cách viết đúng.

- Đánh giá thực hành: Sinh viên được đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ thảo luận và chia sẻ; mức độ thực hiện đúng các thao tác, quy trình; kết quả thực hành; Báo cáo thực hành.

- Thuyết trình: Sinh viên được yêu cầu làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm và thuyết trình kết quả trước các sinh viên khác. Hoạt động này ngoài đánh giá mức độ đạt được của sinh viên về những kiến thức chuyên biệt còn đánh giá được mức độ phát triển các kỹ năng như giao tiếp, đàm phán, làm việc nhóm. Các học phần được xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoặc rubrics tương ứng với các chuẩn đầu ra học phần.

- Đánh giá vấn đáp: Sinh viên được đánh giá thông qua các cuộc phỏng vấn, câu hỏi và câu trả lời trực tiếp. Phương pháp này được sử dụng trong một số khóa học để đánh giá năng lực tổng thể của sinh viên bao gồm kiến thức và kỹ năng giao tiếp, thuyết trình. Các học phần sử dụng các rubrics vấn đáp để đánh giá nhằm đảm bảo tính chính xác và công bằng đối với người học.

- Đánh giá làm việc nhóm:

Đánh giá công việc nhóm được sử dụng khi thực hiện các hoạt động giảng dạy nhóm và được sử dụng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên. Rubric đánh giá đối với sản phẩm, khả năng thuyết trình của nhóm và rubric tự đánh giá làm việc nhóm cho các đối tượng thuộc nhóm tự đánh giá hoặc đánh giá đồng đẳng. Các rubrics đánh giá được công bố trong cuốn chương trình đào tạo.

- Đánh giá Tiểu luận/ Bài tập lớn:

Tiểu luận là viết báo cáo về một vấn đề của một môn học hay một vấn đề thực tiễn của một đơn vị nào đó nhằm để rút ra những kết luận, những đóng góp ý kiến, những đề xuất giải pháp để có thể thực hiện hay cải tiến được vấn đề đã nêu ra. Đánh giá tiểu luận bao gồm đánh giá về Cấu trúc, Nội dung, Kết luận và Hình thức trình bày.

- Đánh giá sản phẩm:

Phương pháp đánh giá kết quả học tập thông qua các sản phẩm của người học đã thực hiện được, thể hiện qua việc xây dựng, sáng tạo, thể hiện ở việc hoàn thành được công việc một cách có hiệu quả. Các tiêu chí và tiêu chuẩn để đánh giá sản phẩm là rất đa dạng. Đánh giá sản phẩm được dựa trên ngữ cảnh cụ thể của hiện thực.

- Đánh giá Kiến tập sư phạm:

Đánh giá kết quả Kiến tập sư phạm trên cơ sở các tiêu chí về Tìm hiểu thực tế giáo dục; Kiến tập giảng dạy và Kiến tập chủ nhiệm. Các nội dung đánh giá được xác định các tiêu chí cụ thể theo các rubrics đánh giá.

- Đánh giá Thực tập sư phạm:

Đánh giá kết quả Thực tập sư phạm dựa trên cơ sở các tiêu chí về Thực tập giảng dạy, Thực tập chủ nhiệm và Kết quả dự giờ giảng dạy của giáo sinh cùng nhóm chuyên môn. Các nội dung đánh giá được xác định các tiêu chí cụ thể theo các rubrics đánh giá.

- Đánh giá Thực tập tại các tiểu học:

Kết quả Thực tập tại các tiểu học được đánh giá dựa trên các tiêu chí về Chấp hành nội quy của đơn vị; Thái độ làm việc; Kiến thức, kỹ năng thu nhận và đánh giá báo cáo thực tập tại các tiểu học. Các nội dung đánh giá được xác định các tiêu chí cụ thể theo các rubrics đánh giá.

- Đánh giá Khóa luận/ Luận văn tốt nghiệp

Đánh giá Khóa luận/ Luận văn tốt nghiệp dựa trên các tiêu chí về Hình thức báo cáo; Chất lượng báo cáo; Chất lượng bảo vệ. Các nội dung đánh giá được xác định các tiêu

chỉ cụ thể theo các rubrics đánh giá. Đánh giá Khóa luận/ Luận văn tốt nghiệp được thực hiện bởi Hội đồng chấm Khóa luận/ Luận văn tốt nghiệp do Hiệu trưởng ký Quyết định thành lập. Số thành viên của hội đồng là 3 hoặc 5 hoặc 7 người, trong đó có Chủ tịch và Thư ký.

Phương pháp đánh giá học phần

Thực hiện theo Quy định về Công tác học vụ do Trường ban hành và Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành theo Công văn số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác thực hợp nhất 2 văn bản: Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngoài ra, việc đánh giá học phần tuân thủ theo quy định trong các đề cương học phần đã được Bộ môn và HĐ Khoa học của Khoa thông qua.

Đánh giá học phần bao gồm đánh giá quá trình, đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì theo quy định về trọng số chung của Trường ĐHSP và quy định trong các học phần.

- Điểm học phần được đánh giá theo thang điểm 10.

Các phương pháp kiểm tra và đánh giá là công cụ để đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần (CĐRHP) nói riêng cũng như CĐR CTĐT nói chung.

Phần IV. CHUẨN ĐẦU RA VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1. Ma trận kĩ năng

ST T	Học kỳ	Tên học phần (Liệt kê tất cả các học phần theo thứ tự từ năm 1 đến năm cuối)	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT														
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
1	1	Nhập môn Giáo dục Tiểu học	H					L	L							M	M
2		Tâm lý học Sư phạm tiểu học		H	L	M	M		L						L		
3		Giáo dục học tiểu học 1		H	L	M	M		L						L		
4		Cơ sở Toán học 1 của môn Toán tiểu học			H	L							M				
5		Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học			H	L							M				
6		Văn học thiếu nhi			H	H	M	M	M				L	L			
7		Giáo dục thể chất 1															
8	2	Triết học Mác -	H		L				M								

Khoa Giáo dục Tiểu học

		Lênin															
9		Tin học đại cương									H	L					M
10		Cơ sở Toán học 2 của môn Toán tiểu học			H	L							M				
11		Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học			H	L							M				
12		Giáo dục học tiểu học 2	M	H	H	L			L						M		
13		Cơ sở văn hóa Việt Nam			H	L		M									
14		Giáo dục thể chất 2															
15		Giáo dục quốc phòng															
16	3	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	M		H											L	
17		Pháp luật đại cương	L						H							M	
18		Xác suất và Thống kê trong			H	L						L					

Khoa Giáo dục Tiểu học

		giáo dục tiểu học															
19		Sinh lí học trẻ em		H	L		M										
20		Cơ sở Khoa học Tự nhiên và và phương pháp dạy học ở tiểu học		H				H						M			
21		Giáo dục kĩ năng sống trong dạy học ở tiểu học	M	H					L							L	
22		Tiếng Việt thực hành ở tiểu học		H		L				M							
23		Giáo dục thể chất 3															
25		<i>Tin học chuyên ngành 2</i>			L		M				H						
26		<i>Âm nhạc và PP giáo dục âm nhạc ở tiểu học</i>			H	L	M										
27		<i>Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính</i>		H				M	L								

Khoa Giáo dục Tiểu học

28	4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	L		L										M	M	
29		Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học			H	L							M				
30		Phương pháp dạy học á phân môn tiếng Việt ở tiểu học		L	H	H	L	L				H	L	M	M		M
31		Phương pháp nghiên cứu khoa học SP ứng dụng					M	M		M	M		H	L		L	L
32		Tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học			H	L	M										
33		Rèn luyện kỹ năng sư phạm 1 ở tiểu học		L	H	H		L				L			M		M
34		Giáo dục thể chất 4															
35		Sử dụng phương pháp bàn tay nặn bột trong dạy học tiểu học			H	L	L	M									

Khoa Giáo dục Tiểu học

36		Công nghệ và phương pháp dạy học ở tiểu học			L	L	L	M									
37		Phát triển lời nói cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm			H	L	M										
38	5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	M		L	L	L										
39		Phương pháp dạy học toán tiểu học	M	L	H	H	L	L				H	L	M	L		M
40		Cơ sở Khoa học Xã hội và phương pháp dạy học ở tiểu học			H	L	M	L									
41		Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học	M		H	H	L	L				L	L	M	M		M
42		Phát triển chương trình giáo dục tiểu học			L	L								H	M	M	L

Khoa Giáo dục Tiểu học

50		Phương pháp dạy học tiếng Việt 2 ở tiểu học			H	H	L	L				L	L	M	M		M
51		Phương pháp dạy học tự nhiên - xã hội ở tiểu học			H	H	L	L				L	L	M	M		M
52		Thực hành vận dụng phương pháp dạy học Toán ở tiểu học			H	H	L	L				L	L	M	M		M
53		<i>Tổ chức hoạt động Đội thiếu niên và Sao nhi đồng</i>			L	L		L	H								
54		<i>Dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học</i>			L	L				M							
55	7	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	M		L	L										M	H
56		Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học		M	H	H			M			H	L		L		

Khoa Giáo dục Tiểu học

63		Kỹ năng tham vấn học đường		H	M				L								
64	8	Thực tập sư phạm	M	L	H	H	L	M	L	M	M	M	M	M	M	M	L
65		Khóa luận tốt nghịệp		M	H	H	L	H	H	M	M	L	L	H	M	L	H
Tổng hợp số lượng học phần theo các mức độ đóng góp																	
Mức M			11	3	1	2	12	9	4	5	4	3	7	9	14	9	12
Mức L			3	7	22	29	16	13	11	0	0	11	12	3	4	4	5
Mức H			2	10	28	16	1	3	4	B1	3	3	1	2	1	0	3

4.2. Tóm tắt nội dung các học phần

Số TT	Tên học phần	TC	HP HT/TQ/SH	Tóm tắt học phần
1	Triết học Mác - Lênin	3		Học phần Triết học Mác – Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình; cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác-Lênin; xây dựng thế giới quan và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung các môn học khác; giúp người học nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác – Lênin. Nội dung của học phần được cấu trúc gồm 3 chương. Chương 1 Khái luận về triết học và triết học Mác – Lênin. Chương 2, chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3, chủ nghĩa duy vật lịch sử.
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Kinh tế Chính trị Mác-Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo. Nội dung của học phần gồm 6 chương, được kết cấu thành 2 phần chính: Một là, nghiên cứu các vấn đề kinh tế chính trị của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong cả hai giai đoạn là tự do cạnh tranh và giai đoạn độc quyền. Hai là, nghiên cứu các vấn đề về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin và là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị. Môn học khái quát về quá trình ra đời, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học, làm rõ những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học, gồm: Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ; Dân chủ và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ; Vấn đề dân tộc, Tôn giáo, Gia đình trong chủ nghĩa xã hội.
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục Chính trị. Nội dung chủ yếu của học

Số TT	Tên học phần	TC	HP HT/TQ/SH	Tóm tắt học phần
				phần bao gồm những kiến thức cơ bản, có hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920 – 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 cho đến hiện nay).
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc, khối kiến thức đại cương cung cấp những kiến thức cơ bản về tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh với ý nghĩa là sự vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể Việt Nam, đồng thời là cơ sở lý luận trực tiếp trong việc hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam từ 1930 đến nay. Học phần này giúp sinh viên hiểu được một cách tương đối đầy đủ và có hệ thống về bối cảnh lịch sử - xã hội, cơ sở hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Các nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, Về văn hóa, đạo đức, con người.
6	Tin học đại cương	2		Học phần Tin học đại cương được học ở năm thứ nhất đối với tất cả sinh viên các chuyên ngành không chuyên tin học. Học phần Tin học đại cương củng cố và cung cấp các kiến thức, kỹ năng sử dụng máy tính, các công nghệ hiện đại và internet phức tạp hơn so với các kiến thức, kỹ năng đã được học ở chương trình phổ thông. Hơn nữa, học phần đi sâu vào một số tính năng nâng cao của ba phần mềm thuộc bộ Microft Office là Word, Excel và Powerpoint. Học phần này dành cho tất cả sinh viên của trường Đại học Sư phạm, trừ sinh viên ngành Công nghệ thông tin và Sư phạm Tin học.
7	Pháp luật đại cương	2		Pháp luật đại cương là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của tất cả các ngành học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật như: Nguồn gốc bản chất, chức năng, vai trò, hình thức, đặc trưng của Nhà nước và pháp luật; về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, hệ thống pháp luật, ý thức pháp

Số TT	Tên học phần	TC	HP HT/TQ/SH	Tóm tắt học phần
				luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa. Đồng thời giới thiệu một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hành chính.
8	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2		<i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i> là môn học đại cương về văn hóa Việt Nam, cung cấp một cái nhìn toàn diện về khái niệm văn hóa học và văn hóa Việt Nam, hệ thống các thành tố văn hóa Việt Nam và những đặc trưng của chúng, tính thống nhất và đa dạng của văn hóa Việt Nam.
9	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	2		<i>Tiếng Việt thực hành ở tiểu học</i> là môn khoa học ngôn ngữ cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về tiếng Việt và các kỹ năng thực hành văn bản tiếng Việt. Môn học tập trung vào việc giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng về thực hành tiếng Việt theo các nhóm vấn đề chính: Chính tả; Dùng từ; Đặt câu; Viết đoạn văn; Xây dựng văn bản. Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành được thiết kế dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học.
10	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	4		<i>Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học</i> là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và hệ thống tiếng Việt hiện đại, bao gồm các nội dung: Đại cương về ngôn ngữ và tiếng Việt (ngôn ngữ và ngôn ngữ học, bản chất và chức năng của ngôn ngữ, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, phân loại ngôn ngữ, nguồn gốc và quá trình phát triển của tiếng Việt); Ngữ âm tiếng Việt hiện đại (âm tiết, hệ thống âm vị và chữ viết tiếng Việt); Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt (đặc điểm, cấu tạo từ tiếng Việt; các lớp từ xét trên bình diện: cấu tạo, ngữ nghĩa, nguồn gốc).
11	Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	4	32241093	<i>Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học</i> là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp và phong cách học tiếng Việt, các phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt. Học phần này tạo điều kiện để sinh viên phát triển các kỹ năng sử dụng đúng từ loại, cụm từ, câu trong ngữ cảnh cụ thể; viết câu, đoạn văn, văn bản đúng và hay; có kỹ năng phân tích phong cách ngôn ngữ tác phẩm, ứng dụng viết các thể loại văn bản

Số TT	Tên học phần	TC	HP HT/TQ/SH	Tóm tắt học phần
				thuộc các phong cách khác nhau và đặc biệt biết ứng dụng trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.
12	Cơ sở toán học 1 của môn Toán ở tiểu học	3		Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lí thuyết tập hợp: khái niệm, tính chất, phép toán, quan hệ hai ngôi, ánh xạ; logic toán: khái niệm, tính chất về mệnh đề, các phép toán trên mệnh đề; hàm mệnh đề, công thức, luật và qui tắc suy luận và ứng dụng để trình bày, diễn đạt, cách lập luận chặt chẽ, phát triển tư duy logic trong quá trình dạy môn toán ở cấp tiểu học. Qua đó giúp sinh viên hiểu rõ cơ sở của việc dạy học toán ở tiểu học đồng thời nâng cao năng lực dạy học môn Toán ở tiểu học.
13	Cơ sở toán học 2 của môn Toán ở tiểu học	3	32231088	Các cấu trúc nửa nhóm, vị nhóm, nhóm. Nửa nhóm con, vị nhóm con, nhóm con. Các cấu trúc vành, miền nguyên. Cấu trúc trường. Xây dựng hệ thống số: Tập hợp số tự nhiên $\mathbb{N}$, tập hợp số nguyên $\mathbb{Z}$, tập hợp số hữu tỉ $\mathbb{Q}$, tập hợp số thực $\mathbb{R}$, tập hợp số phức $\mathbb{C}$.
14	Sinh lí học trẻ em	2		Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cấu tạo cơ thể con người ở mức đại thể theo phương pháp hệ thống và các quá trình sống trong cơ thể nhằm tìm hiểu và giải thích những cơ chế điều hòa và tự điều hòa các quá trình sống để duy trì sự cân bằng, thích nghi, tồn tại và phát triển của hệ thống sống. Người học có thể vận dụng kiến thức môn học vào việc bảo vệ cơ thể.
15	Xác suất và Thống kê trong giáo dục tiểu học	2		Học phần trang bị cho sinh viên các tri thức về xác suất và thống kê, đặc biệt các tri thức về thống kê. Từ đó vận dụng vào dạy học ở tiểu học và nghiên cứu, dự đoán trong khoa học giáo dục nói chung và giáo dục học sinh tiểu học nói riêng. Đồng thời là cơ sở lí luận, là công cụ hữu hiệu để xử lí số liệu thống kê trong các hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở các trường tiểu học.
16	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	2	32221683	Học phần gồm 10 bài học được thiết kế trên đĩa CDrom, lần lượt chuyển tải các nội dung giảng dạy về quyền và sức khỏe tình dục bao gồm các vấn đề về tâm sinh lý lứa tuổi, tình bạn, tình yêu, tình dục, sự mang thai, các nguy cơ lây nhiễm qua đường tình dục, biết

Số TT	Tên học phần	TC	HP HT/TQ/SH	Tóm tắt học phần
				bảo vệ bản thân tránh được sự xâm hại, quấy rối tình dục, hiểu rõ về giới và các quyền có liên quan đến giới, đặc biệt thể hiện qua các hành vi tình dục và cuối cùng nhằm hướng dẫn sinh viên biết tự đưa ra những quyết định của bản thân khi đối diện trước những tình huống thường gặp trong tuổi sinh viên.
17	Kỹ năng tham vấn học đường	2	32041729	Học phần Kỹ năng tham vấn học đường cung cấp các kiến thức và rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong tham vấn tâm lý trong nhà trường tiểu học. Nội dung của học phần gồm: Những vấn đề chung về tham vấn học đường; Yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức đối với người giáo viên làm công tác tham vấn học đường trong trường tiểu học; Học sinh tiểu học và các nan đề cần được tham vấn; Các loại hình và quy trình tham vấn; Một số kỹ năng tham vấn học đường cơ bản.
18	Tin học chuyên ngành 2	2	31221885	Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng khai thác và ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại của công nghệ thông tin trong giảng dạy và nghiên cứu. Học phần giúp người học đạt chuẩn năng lực công nghệ thông tin cần thiết đối với sinh viên ngành Sư phạm Giáo dục Tiểu học khi ra trường như các mô hình tiếp cận áp dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy; cách thiết kế và xây dựng trang web, trang cá nhân phục vụ dạy học; thiết kế phiếu khảo sát, bài trắc nghiệm trực tuyến và xử lý kết quả thu được; sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây, các công cụ với dịch vụ web 2.0; tham gia kết nối với cộng đồng giáo dục và duy trì kết nối.
19	Nhập môn Giáo dục Tiểu học	2		Học phần trang bị cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học về Khoa học Giáo dục Tiểu học; những kiến thức của ngành nghề đào tạo; những yêu cầu về phẩm chất đạo đức nhà giáo; vị trí, vai trò, nhiệm vụ của người giáo viên; những hành vi giáo viên được làm và không được làm; chuẩn nghề nghiệp của người giáo viên. Qua đó SV ngành GD Tiểu học sẽ có ý thức trong rèn luyện phẩm chất đạo đức, rèn luyện năng lực nghiệp vụ sư phạm đáp ứng yêu cầu của một nhà giáo trong tương lai.
20	Phương pháp nghiên cứu khoa	2	32221767	Học phần này cung cấp cho sinh viên tiểu học những kiến thức cơ bản của phương

Số TT	Tên học phần	TC	HP HT/TQ/SH	Tóm tắt học phần
	học sư phạm ứng dụng ở tiểu học			pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong các trường tiểu học để thấy rõ: khả năng ứng dụng cao của một nghiên cứu khoa học trong lớp học, trường tiểu học; những ưu điểm nổi trội của cách làm này với NCKH truyền thống, đặc biệt đối với giáo viên tiểu học; giáo viên có thể phổ biến kết quả nghiên cứu trên phạm vi trường, tỉnh, cả nước cũng như có thể học tập từ đồng nghiệp ở khắp nơi.
21	Văn học thiếu nhi	4		<i>Văn học thiếu nhi</i> là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần cung cấp những kiến thức tổng quát về văn học thiếu nhi. Nội dung học phần tập trung vào 3 nhóm vấn đề chính: (1) Văn học dân gian dành cho thiếu nhi; (2) Văn học thiếu nhi Việt Nam; (3) Văn học thiếu nhi nước ngoài. Ngoài ra môn học còn cung cấp những phương pháp tiếp cận và phân tích tác phẩm văn học thiếu nhi.
22	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiểu học	2	32221576 32221574	Trên cơ sở nội dung và phương pháp dạy học Toán, Tiếng Việt, Tự nhiên – Xã hội, Đạo đức,... ở tiểu học, học phần sẽ trang bị cho sinh viên những kỹ năng khai thác và ứng dụng CNTT để tổ chức môi trường học tập, thiết kế các hoạt động học khám phá, thực hành, luyện tập và vận dụng, hỗ trợ đổi mới PPDH ở tiểu học theo hướng tích cực hóa các hoạt động nhận thức của học sinh, giúp học sinh kiến tạo nên tri thức mới,... phù hợp với con đường nhận thức, tâm sinh lý lứa tuổi HS tiểu học.
23	Tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học	3	32241094	<i>Tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học</i> là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần cung cấp những kiến thức về cảm thụ văn học; rèn luyện các năng lực cơ bản về cảm thụ văn học khi dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học. Nội dung bao gồm 3 nhóm vấn đề chính: (1) Khái quát về cảm thụ văn học; (2) Nội dung và phương pháp tổ chức cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học; (3) Tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học.
24	Từ Hán Việt và việc dạy từ Hán Việt ở tiểu học	2		<i>Từ Hán Việt và việc dạy từ Hán Việt ở tiểu học</i> là một chuyên đề trong môn Tiếng Việt nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản

Số TT	Tên học phần	TC	HP HT/TQ/SH	Tóm tắt học phần
				về từ Hán Việt và các kĩ năng nhận diện, giải nghĩa từ Hán Việt, đặc biệt là từ Hán Việt trong chương trình Tiếng Việt ở Tiểu học. Môn học tập trung vào việc giúp sinh viên nắm nội dung về từ Hán Việt theo 4 nhóm vấn đề chính: (1) Quá trình tiếp xúc ngôn ngữ Hán Việt; (2) Khái niệm từ Hán Việt; (3) Một số vấn đề cơ bản về từ Hán Việt trong chương trình và SGK Tiếng Việt tiểu học; (4) Bổ túc vốn từ Hán Việt qua một số bài thơ Đường và thơ chữ Hán của Hồ Chí Minh. Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành được thiết kế dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học.
25	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học	2		<i>Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học</i> là một học phần cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động trải nghiệm nói chung và tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học nói riêng; phương pháp, hình thức tổ chức và đánh giá các hoạt động trải nghiệm theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh tiểu học. Đây là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm dành cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học.
26	Cơ sở Khoa học Tự nhiên và phương pháp dạy học ở tiểu học	3		Cơ sở Khoa học Tự nhiên và Phương pháp dạy học ở tiểu học là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tự nhiên và xã hội (chủ đề sinh học, vật chất và năng lượng) có liên quan trong chương trình các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học; những vấn đề chung về lí luận dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội; hình thành và phát triển cho sinh viên kĩ năng dạy học môn Tự nhiên- Xã hội, môn Khoa học ở tiểu học. Cùng với học phần <i>Cơ sở Khoa học Xã hội và Phương pháp dạy học ở tiểu học</i>, nó góp phần trang bị cho sinh viên đầy đủ hệ thống kiến thức cơ bản về tự nhiên- xã hội và kĩ năng dạy học các môn học về tự nhiên – xã hội ở bậc tiểu học. Đây là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được bố trí ở học kì 4 năm thứ hai dành cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học.

Số TT	Tên học phần	TC	HP HT/TQ/SH	Tóm tắt học phần
27	Cơ sở Khoa học Xã hội và phương pháp dạy học ở tiểu học	3	32231080	Cơ sở KH Xã hội và phương pháp dạy học ở tiểu học là một học phần chuyên ngành của ngành sư phạm GD Tiểu học. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Tự nhiên, Xã hội (chủ đề Xã hội, Địa lí và Lịch sử) có liên quan đến nội dung, chương trình các môn Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học và phương pháp dạy học môn Địa lí và Lịch sử ở tiểu học. Học phần <i>Cơ sở Tự nhiên - Xã hội 2 và phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học</i> gồm hai nhóm vấn đề chính: (1) Kiến thức Tự nhiên Xã hội, cụ thể là kiến thức về Địa lí và Lịch sử; (2) Các phương pháp dạy học Tự nhiên Xã hội (môn Địa lí và Lịch sử) ở tiểu học.
28	Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học	2		<i>Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học</i> là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo giáo viên ngành Giáo dục Tiểu học. Qua học phần này, sinh viên được cung cấp những kiến thức về kỹ năng sống, giáo dục kỹ năng sống và những nội dung cụ thể về giáo dục kỹ năng sống, hướng dẫn tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong các môn học như Tiếng Việt, Đạo đức, Công nghệ, các môn về tự nhiên và xã hội ở tiểu học và các hoạt động giáo dục ở nhà trường để xây dựng hoặc thay đổi hành vi cho học sinh. Học phần <i>Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học</i> gồm 2 nhóm vấn đề chính: (1) Một số vấn đề chung về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học, (2) Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học.
29	Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học	2		<i>Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học</i> là một học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môi trường, giáo dục môi trường và các hình thức, phương pháp giáo dục môi trường trong tổ chức hoạt động giáo dục và dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội, Đạo đức, Công nghệ, ... làm cơ sở cho sinh viên vận dụng vào thực tế giáo dục môi trường trong nhà trường tiểu học. Nội dung môn học gồm 2 phần chính, bao gồm (1) Một số vấn đề cơ bản về môi trường và bảo vệ môi trường và (2) Giáo dục môi trường ở trường tiểu học.

Số TT	Tên học phần	TC	HP HT/TQ/SH	Tóm tắt học phần
30	Phát triển chương trình giáo dục tiểu học	2	32241756 3221575	Học phần trang bị cho SV các kiến thức cơ bản về phân tích chương trình môn học, bao gồm đặc điểm, cấu trúc, dụng ý sư phạm của nội dung kiến thức cần dạy, kỹ năng phân tích chương trình môn học; chương trình, các loại chương trình, quy trình phát triển chương trình môn học ở trường tiểu học. Từ đó thực hành phát triển chương trình môn học bổ sung vào nội dung giáo dục địa phương, nhà trường trong giáo dục toàn diện đáp ứng CTGDPT cấp Tiểu học. Không những thế, học phần còn góp phần hình thành cho SV năng lực phân tích và phát triển chương trình môn học ở trường tiểu học nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp đáp ứng chuẩn nghề nghiệp.
31	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục – đào tạo	2		Học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản về quản lý hành chính nhà nước, công vụ, công chức, viên chức; đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; luật giáo dục và các văn bản quy phạm pháp luật khác về giáo dục và đào tạo; thực tiễn giáo dục Việt Nam.
32	Dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học	2		<i>Dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học</i> là học phần thuộc khối kiến thức tự chọn, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng và phương pháp dạy học theo quan điểm tích hợp, đặc biệt là phương pháp và kỹ năng dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học.
33	Phát triển lời nói cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm	2		<i>Phát triển lời nói cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm</i> là môn khoa học ngôn ngữ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp và các thủ pháp luyện phát âm (luyện nói và luyện đọc) cho học sinh tiểu học; hình thành kỹ năng phát hiện và chữa các lỗi của học sinh khi nói và đọc trên bình diện ngữ âm học. Học phần gồm 2 nhóm vấn đề chính: (1) Khái quát chung về phát triển lời nói cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm ; (2) Phương pháp và biện pháp chữa lỗi phát âm cho học sinh.
34	Tổ chức hoạt động Đội thiếu niên và Sao nhi đồng	2		Tổ chức hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng là học phần bắt buộc thuộc khối chuyên ngành trong chương trình Giáo dục Tiểu học. Nội dung bao gồm hệ thống nghiệp vụ kỹ năng công tác Đội và Sao Nhi

Số TT	Tên học phần	TC	HP HT/TQ/SH	Tóm tắt học phần
				đồng. Qua đó giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng có trải nghiệm thực tế thông qua các hoạt động.
35	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	4		Tâm lý học sư phạm tiểu học là khoa học cơ sở trong hệ thống các khoa học sư phạm. Môn học bao gồm những nội dung cơ bản về tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm như: Lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ em, quy luật của sự phát triển tâm lý trẻ em; Khái quát về lứa tuổi học sinh tiểu học, điều kiện phát triển tâm lý, đặc điểm hoạt động học tập, giao tiếp và sự phát triển nhân cách lứa tuổi tiểu học; Khái quát về tâm lý học dạy học và tâm lý học giáo dục: quá trình dạy học và các yếu tố cơ bản của nó, tâm lý học về sự lĩnh hội tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, dạy học và sự phát triển trí tuệ; Những cơ sở tâm lý học của việc giáo dục đạo đức; Những đặc trưng của lao động sư phạm và những yêu cầu về phẩm chất và năng lực của nhà giáo.
36	Giáo dục học tiểu học 1	2		Học phần này đề cập lý luận cơ bản về giáo dục học tiểu học bao gồm: - Những vấn đề chung nhất về giáo dục học tiểu học như: Giáo dục học là một khoa học; giáo dục và sự phát triển; mục đích giáo dục; hệ thống giáo dục quốc dân; nguyên lý giáo dục; các con đường giáo dục; đặc điểm lao động sư phạm của giáo viên tiểu học trong nhà trường - Một số vấn đề cơ bản của lý luận dạy học tiểu học: Khái quát về quá trình dạy học tiểu học như khái niệm, bản chất, động lực, logic của quá trình dạy học; nguyên tắc dạy học; nội dung dạy học; phương pháp dạy học; hình thức tổ chức dạy học; đánh giá kết quả dạy học - Một số vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục tiểu học như: Khái quát về quá trình giáo dục tiểu học như khái niệm, bản chất, đặc điểm, động lực, logic của quá trình giáo dục; nguyên tắc giáo dục; nội dung giáo dục; phương pháp giáo dục; tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường tiểu học.
37	Giáo dục học tiểu học 2	3	32021258	Học phần này trình bày một cách hệ thống những tri thức cơ bản, hiện đại, sát với thực tiễn Việt Nam về Giáo dục học, gồm: Quá trình dạy học, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.

Số TT	Tên học phần	TC	HP HT/TQ/SH	Tóm tắt học phần
				Quá trình giáo dục; nguyên tắc, nội dung, phương pháp giáo dục; Công tác chủ nhiệm lớp..
38	Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học	2		Học phần Giao tiếp Sư phạm của người giáo viên Tiểu học thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần này cung cấp các kiến thức và rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong giao tiếp sư phạm của người giáo viên Tiểu học. Nội dung của học phần được bao gồm 4 chương: (1) Khái quát về giao tiếp sư phạm ở bậc tiểu học; (2) Một số nguyên tắc giao tiếp, quy tắc ứng xử và các phong cách giao tiếp sư phạm của người giáo viên Tiểu học; (3) Các kỹ năng giao tiếp sư phạm của người giáo viên Tiểu học; (4) Xử lý các tình huống sư phạm.
39	Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học	2	32041729	Học phần Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học trong chương trình đào tạo sinh viên sư phạm tiểu học. Đây là học phần giúp sinh viên tiểu học có những hiểu biết cơ bản về cách thức giáo dục cho học sinh khuyết tật trong trường tiểu học. Học phần sẽ trình bày những nội dung sau: - Những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật ở trường tiểu học: khái niệm, nguyên nhân khuyết tật, phân loại, các mô hình giáo dục dành cho học sinh khuyết tật. - Tổ chức giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật ở trường tiểu học: giáo dục hòa nhập cho học sinh khiếm thính, khiếm thị, chậm phát triển trí tuệ, ngôn ngữ, vận động, tự kỷ. - Hỗ trợ giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học: xây dựng vòng tay bạn bè, xây dựng nhóm hỗ trợ cộng đồng
40	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 1 ở tiểu học	2		<i>Rèn luyện kỹ năng sư phạm 1 ở tiểu học</i> là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Đây là học phần cung cấp cho sinh viên một số thông tin cơ bản về nghiệp vụ sư phạm và góp phần rèn luyện cho sinh viên một số kỹ năng cơ bản như: kỹ năng tìm hiểu các vấn đề về trường tiểu học, kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng tiếng Việt, kỹ năng sử dụng và thiết kế đồ dùng dạy học góp phần khắc sâu các kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, hình thành năng lực nghề nghiệp cơ bản gắn

Số TT	Tên học phần	TC	HP HT/TQ/SH	Tóm tắt học phần
				liên với thực tiễn bậc tiểu học.
41	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 2 ở tiểu học	2	32221668	Học phần <i>Rèn luyện kỹ năng sư phạm 2 ở tiểu học</i> cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghiệp vụ sư phạm tiểu học như kỹ năng tìm hiểu, phân tích nội dung chương trình, tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá các môn học và hoạt động giáo dục ở tiểu học... Cùng với <i>Rèn luyện kỹ năng sư phạm 1 ở tiểu học</i> , học phần này góp phần khắc sâu các kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, hình thành năng lực nghề nghiệp cơ bản gắn liền với thực tiễn ở bậc tiểu học. Đây là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm dành cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học.
42	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 3 ở tiểu học	2	3221669	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 3 ở tiểu học là một môn học cung cấp cho sinh viên một số kiến thức, biện pháp chung về hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tiểu học như: kỹ năng tổ chức dạy học, kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục... Cùng với <i>Rèn luyện kỹ năng sư phạm tiểu học 1</i> , <i>Rèn luyện kỹ năng sư phạm tiểu học 2</i> , nó góp phần khắc sâu các kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, hình thành năng lực nghề nghiệp cơ bản gắn liền với thực tiễn bậc tiểu học. Đây là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được bố trí ở học kỳ I năm thứ hai dành cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học.
43	Phương pháp dạy học toán tiểu học	4	32231089*	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về: - Phương pháp dạy học (PPDH) đại cương: PPDH nói chung và PPDH Toán; Vị trí, nhiệm vụ, nội dung của môn Toán ở tiểu học; Một số PPDH thường dùng trong dạy học môn Toán ở tiểu học; Chuẩn bị và tổ chức dạy học toán ở tiểu học. - PPDH cụ thể: Phương pháp dạy học các nội dung cụ thể môn Toán theo hướng phát triển năng lực toán học; PPDH các nội dung kiến thức cụ thể trong chương trình môn Toán tiểu học: Số học và phép tính; Hình học và đo lường; Xác suất và thống kê. Qua đó giúp người học có các năng lực chuyên môn nghiệp vụ về PPDH toán đại cương; phương pháp dạy học toán phát triển

Số TT	Tên học phần	TC	HP HT/TQ/SH	Tóm tắt học phần
				phẩm chất, năng lực và PPDH các nội dung cụ thể của môn Toán ở trường tiểu học.
44	Thực hành vận dụng PPDH toán tiểu học		32241576	Tìm hiểu về chuẩn nghề nghiệp GVTH nói chung và phân tích làm rõ một số điểm về chuẩn nghề nghiệp của GVTH trong dạy học môn Toán. Giúp SV tự rèn luyện và phát triển 4 kỹ năng cơ bản: * Kỹ năng phân tích chương trình. * Kỹ năng soạn kế hoạch bài học. * Kỹ năng lựa chọn và thiết kế bài tập cho phù hợp đối tượng HS. * Kỹ năng xử lý một số tình huống sư phạm trong dạy học môn Toán. ngành được bố trí ở học kỳ 4 năm thứ hai dành cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học.
45	Thực hành giải toán tiểu học	3	3221826	Sau khi học xong học phần PPDH Toán tiểu học, SV được học HP “Thực hành giải toán tiểu học” nhằm trang bị thêm các kiến thức về giải toán ở tiểu học, các PP giải toán cơ bản thường được sử dụng và một số PP mới, hiện đại để sớm tiếp cận với Toán học ở các bậc học cao hơn sau này. Mục đích, hình thức và PP kiểm tra, đánh giá trong dạy – học toán tiểu học.
46	Đại cương phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	4	32241094*	Đại cương Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học là một môn khoa học về phương pháp nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại về phương pháp dạy học Tiếng Việt và các kỹ năng giảng dạy Tiếng Việt ở Tiểu học. Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được thiết kế dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần này được bố trí ở học kỳ 4 (học kỳ 2 năm thứ 2) trong chương trình đào tạo. Học phần tập trung vào việc giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng về PPDH Tiếng Việt ở tiểu học theo 2 nhóm vấn đề chính: (1) Những vấn đề chung về PPDH Tiếng Việt ở tiểu học; (2) PPDH các phân môn Tiếng Việt ở tiểu học.

Số TT	Tên học phần	TC	HP HT/TQ/SH	Tóm tắt học phần
47	Phương pháp dạy học các phân môn Tiếng Việt ở tiểu học	4	3221574	Phương pháp dạy học các phân môn Tiếng Việt ở tiểu học là một học phần chuyên ngành của ngành sư phạm GD Tiểu học. Đây là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các phân môn trong môn Tiếng Việt ở tiểu học (phân môn Tập đọc, Kể chuyện, Luyện từ và câu, Tập làm văn và phương pháp dạy học các phân môn này ở tiểu học) và hướng dẫn tổ chức hoạt động ngoại khóa môn Tiếng Việt ở tiểu học. Học phần này là học phần bắt buộc, được bố trí vào học kì 2 năm 3 trong chương trình đào tạo.
48	Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học	2		<i>Đạo đức và Phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học</i> là một môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của đạo đức học có liên quan đến hoạt động giáo dục đạo đức nói chung và chương trình dạy học môn Đạo đức cho học sinh tiểu học nói riêng; hình thành và phát triển cho sinh viên năng lực dạy học môn Đạo đức cho học sinh tiểu học. Đây là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp dành cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học.
49	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	2	322 4 1576 322 4 1575 3223 1081	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên giáo dục tiểu học hệ thống kiến thức cơ bản về kiểm tra đánh giá kết quả học tập, đánh giá PC, NL học sinh ở trường tiểu học. Hình thành cho SV những kỹ năng cơ bản trong việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập, PC, NL học sinh tiểu học; bồi dưỡng thái độ nghề nghiệp và những phẩm chất cần thiết của người giáo viên. Nội dung cụ thể đề cập đến: - Những vấn đề cơ bản về kiểm tra đánh giá kết quả học tập; ĐG PC, NL - Đánh giá học sinh tiểu học đáp ứng CTGDPT cấp Tiểu học: Mục đích đánh giá; nguyên tắc đánh giá; Quy trình đánh giá; Kỹ thuật đánh giá; Yêu cầu đối với việc đánh giá học sinh tiểu học... - Nội dung và cách thức đánh giá...
50	Công nghệ và phương pháp dạy học công nghệ tiểu học	2		<i>Công nghệ và phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học</i> là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần cung cấp những kiến thức về Công nghệ và đời sống, Thủ công, Kỹ thuật và phương thức

Số TT	Tên học phần	TC	HP HT/TQ/SH	Tóm tắt học phần
				dạy học môn này ở tiểu học. Học phần <i>Công nghệ và phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học</i> gồm hai nhóm vấn đề chính: (1) Kiến thức cơ sở về Công nghệ; (2) Phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học.
51	Sử dụng phương pháp bàn tay nặn bột trong dạy học tiểu học	2		<i>Sử dụng phương pháp Bàn tay nặn bột trong dạy học ở tiểu học</i> là một môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp Bàn tay nặn bột; những vấn đề chung về việc sử dụng phương pháp Bàn tay nặn bột trong dạy học các môn khoa học ở trường tiểu học; hình thành và phát triển cho người học kỹ năng sử dụng phương pháp Bàn tay nặn bột trong dạy học các môn khoa học ở trường tiểu học.
52	Dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học	2		<i>Dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học</i> là một học phần mang tính tích hợp vừa rèn luyện và nâng cao các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên trong dạy học tiếng Việt và trong giao tiếp. Học phần tập trung vào việc giúp sinh viên nâng cao các kỹ năng dạy học tiếng Việt ở tiểu học theo 2 nhóm vấn đề chính: (1) PP dạy và học môn Tiếng Việt ở tiểu học theo quan điểm giao tiếp; (2) Dạy sản sinh văn bản nói và viết cho HS tiểu học.
53	Mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật ở tiểu học	4		<i>Mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật ở Tiểu học</i> là một môn học cơ bản nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về các chuyên ngành mỹ thuật và còn nhằm giúp sinh viên nắm bắt được qui trình giảng dạy môn Mỹ thuật (soạn kế hoạch bài dạy, tiến trình thực hiện một bài dạy trên lớp...). Đây là học phần cơ sở được thiết kế dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Môn học này có thể bố trí ở học kỳ 1 năm thứ hai trong chương trình đào tạo.
54	Âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc ở tiểu học	3		Âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc tiểu học gồm hai phần; phần 1: Âm nhạc, cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết âm nhạc cho người học, gồm giới thiệu về âm thanh, cao độ âm thanh; những kiến thức về trường độ của âm thanh, tiết tấu - tiết nhịp, quãng, điệu thức - giọng và sơ lược về hợp âm, kỹ năng về đọc nhạc cơ bản; phần 2: Phương pháp dạy học âm nhạc, cung cấp kiến thức về phương pháp dạy học âm nhạc ở Tiểu học.

Số TT	Tên học phần	TC	HP HT/TQ/SH	Tóm tắt học phần
55	<i>Các mô hình dạy học hiệu quả ở trường tiểu học</i>	2		Trang bị cho người học những cách thức chung về tổ chức dạy học theo mô hình trường tiểu học mới để hướng dẫn hoạt động học của người học theo quan điểm lấy học sinh làm trung tâm của quá trình dạy học. Giúp họ hiểu rõ những đặc trưng cơ bản của mô hình trường tiểu học mới, qui trình “5 bước giảng dạy” và “10 bước học tập” và những yếu tố tác động đến tính hiệu quả của việc tổ chức, quản lý lớp học như tài liệu hướng dẫn hoạt động học, kỹ thuật dạy học tích cực, đánh giá kết quả dạy học và sự tham gia của cộng đồng địa phương.
56	<i>Số học ở tiểu học</i>	2		Học phần này bao gồm các vấn đề về: Trình bày tổng thể hệ thống về các hàm số, lý thuyết đồng dư, liên phân số hữu hạn và vô hạn, phương trình Di-ô-phăng.
57	<i>Dạy học Khoa học theo tiến trình tìm tòi, khám phá ở tiểu học</i>	2		Học phần này cung cấp cho người học những lý thuyết cơ bản về quan điểm dạy học khám phá – lấy người học là trung tâm và vai trò của dạy học tìm tòi, khám phá trong việc phát triển năng lực cho học sinh tiểu học; hình thành và phát triển cho người học kỹ năng sử dụng một số phương pháp dạy học tích cực trong dạy học các môn học khoa học ở trường tiểu học.
58	<i>Kỹ thuật dạy học Lịch sử - Địa lý ở tiểu học</i>	2		Học phần Kỹ thuật dạy học Lịch sử và Địa lý ở tiểu học là học phần tự chọn trang bị cho sinh viên những kiến thức về phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực trong môn Lịch sử và Địa lý ở tiểu học. Học phần tập trung vào việc giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng dạy học về Lịch sử và Địa lý ở tiểu học theo các nhóm vấn đề chính: (1) Phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực; (2) Vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào dạy học môn Lịch sử và Địa lý ở tiểu học.
59	Kiến tập sư phạm	3		Học phần <i>Kiến tập sư phạm</i> là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức kiến tập và khóa luận Sư phạm dành cho chuyên ngành Giáo

Số TT	Tên học phần	TC	HP HT/TQ/SH	Tóm tắt học phần
				đục Tiểu học. Nội dung bao gồm: sinh viên có 3 tuần ở trường tiểu học dưới sự hướng dẫn của giáo viên tiểu học. Bên cạnh đó, sinh viên còn tham gia các hoạt động của trường tiểu học: tìm hiểu về trường, tìm hiểu về hoạt động dạy và học của giáo viên và học sinh, dự giờ chuyên môn và chủ nhiệm lớp.
60	Thực tập sư phạm	3	30331845	Học phần Thực tập sư phạm có nội dung học tập gắn liền lí luận với thực tiễn, tạo điều kiện cho giáo sinh có cơ hội thực tập giảng dạy trong vai trò người giáo viên thực sự. Giáo sinh được thực hành tất cả các nhiệm vụ cần thiết của GV, từ chuẩn bị giáo án, cơ sở vật chất phục vụ bài học đến tổ chức hoạt động học tập cũng như đánh giá kết quả học tập của học sinh. Tất cả các khâu của quá trình dạy học được mỗi giáo sinh thực hiện nhằm giúp phát triển các năng lực cần thiết của người GV; từ đó tạo dựng tình cảm nghề nghiệp ở người giáo sinh, củng cố và phát triển niềm tin vào công việc dạy học nên giáo sinh cần tham dự và thực hiện đầy đủ các nội dung của học phần Thực tập sư phạm. Đặc thù của học phần Thực tập sư phạm là hình thành cho giáo sinh hệ thống kĩ năng của nghề dạy học nói chung và dạy học tiểu học nói riêng thông qua hoạt động thực tiễn tại trường tiểu học. Do đó, trong quá trình tạo lập kĩ năng, giáo sinh phải có khả năng làm việc độc lập, phân tích và tư duy phản biện để vận dụng vào quá trình thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học; trên cơ sở đó mà phân chia thời gian luyện tập một cách thích hợp.
61	Khóa luận tốt nghiệp	6		Học phần này giúp sinh viên tập dượt về hoạt động nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở những kiến thức đã học sinh viên lựa chọn đề tài, lập đề cương và hoàn thành nội dung đề tài nghiên cứu theo sự định hướng của giảng viên hướng dẫn. Qua quá trình này giúp nâng cao năng lực nghiên cứu, khắc sâu thêm kiến thức chuyên ngành tạo tiền đề quan trọng cho việc phát triển và học lên bậc học cao hơn của sinh viên.

4.3. Đề cương chi tiết học phần

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành/Chuyên ngành: Giáo dục tiểu học
Mã số: 32201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP BÀN TAY NẶN BỘT TRONG DẠY HỌC Ở TIỂU HỌC
Tên tiếng Anh: USING HANDS – ON METHOD IN PRIMARY TEACHING

1. Mã học phần:	322 2 1700
2. Ký hiệu học phần:	
3. Số tín chỉ:	2 TC (*)
4. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	1 TC (số tiết)
- Bài tập/Thảo luận:	... TC (số tiết)
- Thực hành/Thí nghiệm:	1 TC (số tiết)
- Tự học:	30 tiết
5. Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Nguyễn Phan Lâm Quyên
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Trần Thị Kim Cúc
- Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Tự nhiên và PPDH
6. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Học phần Cơ sở khoa học tự nhiên và PPDH
- Học phần song hành:	
7. Loại học phần:	☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☒ Tự chọn tự do
8. Thuộc khối kiến thức	☐ Kiến thức chung ☐ Kiến thức Cơ sở ngành ☒ Kiến thức Chuyên ngành

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Sử dụng phương pháp Bàn tay nặn bột trong dạy học ở tiểu học là một môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp Bàn tay nặn bột; những vấn đề chung về việc sử dụng phương pháp Bàn tay nặn bột trong dạy học các môn khoa học ở trường tiểu học; hình thành và phát triển cho người học kỹ năng sử dụng phương pháp Bàn tay nặn bột trong dạy học các môn khoa học ở trường tiểu học.

10. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về phương pháp Bàn tay nặn bột và sự tương quan giữa nhiệm vụ, mục tiêu, đặc điểm của nội dung cũng như phương pháp luận của các môn học về khoa học ở tiểu học với mục tiêu, nội dung và phương pháp luận của phương pháp Bàn tay nặn bột.
2	MT2	Hình thành và phát triển cho sinh viên kỹ năng vận dụng được một

		cách phù hợp tiến trình dạy học theo phương pháp Bàn tay nặn bột vào các môn học ở tiểu học.
3	MT3	Hình thành và phát triển cho sinh viên thái độ yêu thích khoa học, ngành học. Có ý thức tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới, vận dụng linh hoạt trong dạy học các môn học ở tiểu học.

11. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng:

STT	Chuẩn đầu ra học phần (CLO) (6)
1.	Phân tích và vận dụng được những kiến thức cơ bản nhất về phương pháp Bàn tay nặn bột và sự tương quan giữa nhiệm vụ, mục tiêu, đặc điểm của nội dung cũng như phương pháp luận của các môn học về khoa học ở tiểu học với mục tiêu, nội dung và phương pháp luận của phương pháp Bàn tay nặn bột.
2.	Lựa chọn và phân tích được các nội dung bài học trong chương trình các môn khoa học ở tiểu học phù hợp với việc sử dụng phương pháp Bàn tay nặn bột.
3.	Thực hiện được các kỹ năng chính trong quá trình sử dụng phương pháp Bàn tay nặn bột một cách hiệu quả.
4.	Thiết kế các kế hoạch bài học môn Tự nhiên- Xã hội; môn Khoa học theo tiến trình phương pháp Bàn tay nặn bột.
5.	Tổ chức dạy học được các tiết học môn Tự nhiên - Xã hội; môn Khoa học theo tiến trình phương pháp Bàn tay nặn bột.

12. Mối liên hệ của CDR học phần (CLOs) đến CDR Chương trình đào tạo (PLOs):

PLO	PLO 1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15
Mức độ tương quan (10)															
CLO 1				M	M										
CLO 2				M	M						M				
CLO 3				M	M										
CLO 4				M	M						H				M
CLO5											H				M

Chú thích (10):

- Nhận định H/ M/ L đến từ phân bổ trình tự chủ đề CDR CTĐT vào các học phần, được thể hiện qua ma trận học phần trình bày trong cuốn đặc tả CTĐT. Cấp độ H/ M/ L không phụ thuộc số lần check X trong mỗi cột PLOj mà tùy thuộc mức độ đóng góp kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của học phần đó vào từng PLOj, cụ thể qua 3 mức H = U (Utilize); M = T (Teach); L = I (Introduce) .

- CLOi nào có đóng góp vào một PLOj cụ thể thì check X. Mỗi CLOi không nên đóng góp vào nhiều PLOj. Có thể có PLOj nào đó không được đóng góp bởi học phần này.

13. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

14. Đánh giá học phần:

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác ... (11).

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Đánh giá chuyên cần	P1.1. Đánh giá việc tham gia đầy đủ và tích cực hoạt động trên lớp	R1	W1.1 50	W1 (20%)	CLO 1,2,3
	A1.2 Bài tập nhóm	P1.2. Đánh giá sản phẩm nhóm	R5	W1.2 50		CLO 1,2,3
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài tập cá nhân	P2.1 Đánh giá sản phẩm cá nhân	R2	W2.1 100	W2 (30%)	CLO 1,2,3
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài tập nhóm	P3.1 Đánh giá sản phẩm nhóm	R5	W3.1 100	W3 (50%)	CLO 1,2,3

Ghi chú:

W1 = 20% (Trọng số 0.2)

W2= 30% (Trọng số 0.3)

W3 = 50% (Trọng số 0.5)

Chú thích (11):

- Tất cả Thành phần ĐG, Bài ĐG, Phương pháp ĐG, Rubric, Trọng số bài đánh giá, Trọng số thành phần nên được mã hóa và được định nghĩa để hoạt động đánh giá người học được chính xác, tin cậy và công bằng.

- Ghi chú: $W3 = 50\%$ (Trọng số 0.5);
- Khi thực hiện một bài đánh giá cụ thể cho một hoặc một số CDR cụ thể, cần chú ý:
 - a) Đảm bảo đã tổ chức hoạt động dạy, học cho kiến thức/kỹ năng tương ứng
 - b) Bài đánh giá phải có câu hỏi/ thành phần được thiết kế, và ghi rõ phục vụ đánh giá CDR cụ thể nào
 - c) Kết quả đánh giá không chỉ dùng để tính điểm GPA mà được dùng để phân tích mức độ đạt được từng CDR của từng người học và của cả lớp học phần, của học phần (nếu có nhiều lớp được tổ chức dạy song song).

15. Kế hoạch giảng dạy và học

Tuần/ Buổi (3 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ PHƯƠNG PHÁP BÀN TAY NẶN BỘT 1.1. Khái niệm về phương pháp Bàn tay nặn bột 1.2. Sự ra đời và phát triển của phương pháp BTNB	- Thuyết trình: giới thiệu môn học, cách đánh giá - Thuyết trình vấn đề, hỏi đáp, thảo luận nhóm	Đọc tài liệu chương 1; lắng nghe, phản hồi ý kiến	A1.1, A1.2, A2.1, A.3.1	CLO 1,2,3
2	1.3. Cơ sở khoa học của phương pháp BTNB	Hỏi đáp/Thảo luận nhóm	Đọc tài liệu chương 1; thảo luận, báo cáo	A1.1, A1.2, A2.1, A.3.1	CLO 1,2,3
3	1.4. Đặc điểm và nguyên tắc cơ bản của phương pháp BTNB 1.5. Mối quan hệ giữa phương pháp BTNB với các phương pháp dạy học khác	Thuyết trình/Thảo luận nhóm	Đọc tài liệu chương 1 thảo luận, phản hồi ý kiến	A1.1, A1.2, A2.1, A.3.1	CLO 1,2,3
4	CHƯƠNG 2: VAI TRÒ CỦA PHƯƠNG PHÁP BÀN TAY NẶN BỘT TRONG DẠY HỌC CÁC MÔN TỰ NHIÊN – XÃ HỘI Ở TIỂU HỌC 2.1. Đặc điểm chương trình các	Seminar /Thảo luận nhóm	Đọc tài liệu chương 2 thảo luận, phản hồi ý kiến	A1.1, A1.2, A2.1, A.3.1	CLO 1,2,3

	môn về tự nhiên và xã hội và khả năng sử dụng phương pháp Bàn tay nặn bột 2.2. Đặc điểm tâm sinh lí của học sinh tiểu học và việc sử dụng phương pháp BTNB				
5	2.3. Định hướng đổi mới phương pháp dạy học các môn học về tự nhiên- xã hội 2.4.Vai trò của phương pháp Bàn tay nặn bột trong dạy học các môn học về tự nhiên – xã hội ở tiểu học	Seminar /Thảo luận nhóm	Đọc tài liệu chương 2 thảo luận, phản hồi ý kiến	A1.1, A1.2, A2.1, A.3.1	CLO 1,2,3
6	CHƯƠNG 3: CÁC KỸ NĂNG SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP BÀN TAY NẶN BỘT TRONG DẠY HỌC CÁC MÔN KHOA HỌC Ở TIỂU HỌC 3.1. Kỹ năng tổ chức lớp học 3.2. Kỹ năng giúp học sinh bộc lộ quan điểm ban đầu 3.3. Kỹ năng tổ chức hoạt động thảo luận cho học sinh 3.4. Kỹ năng giúp học sinh bộc lộ quan điểm ban đầu	Thuyết trình/Thảo luận nhóm	Đọc tài liệu chương 3; thảo luận, phản hồi ý kiến	A1.1, A1.2, A2.1, A.3.1	CLO 1,2,3
7	3.5. Kỹ năng đặt câu hỏi 3.6. Kỹ năng phát triển ngôn ngữ cho học sinh 3.7. Kỹ năng chọn ý tưởng, nhóm ý tưởng của học sinh	Thuyết trình/Thảo luận nhóm/ Thực hành	Đọc tài liệu chương 3 thảo luận, thực hành	A1.1, A1.2, A2.1, A.3.1	CLO 1,2,3
8	3.8. Kỹ năng hướng dẫn học sinh đề xuất thí nghiệm nghiên cứu 3.9. Kỹ năng hướng dẫn học sinh tiến hành thí nghiệm tìm tòi- nghiên cứu 3.10. Kỹ năng hướng dẫn học	Thuyết trình/Thảo luận nhóm/ Thực hành	Đọc tài liệu chương 3 thảo luận, thực hành	A1.1, A1.2, A2.1, A.3.1	CLO 1,2,3

	sinh sử dụng vở thực hành				
9	3.11. Kỹ năng hướng dẫn học sinh phân tích thông tin, hiện tượng quan sát được khi nghiên cứu để đưa ra kết luận 3.12. Kỹ năng hướng dẫn học sinh so sánh, đối chiếu kết quả thu nhận được với kiến thức khoa học 3.13. Kỹ năng đánh giá học sinh	Thuyết trình/Thảo luận nhóm/ Thực hành	Đọc tài liệu chương 3 thảo luận, thực hành	A1.1, A1.2 A2.1 A.3.1	CLO 1,2,3
10	CHƯƠNG 4: TỔ CHỨC DẠY HỌC CÁC MÔN KHOA HỌC Ở TIỂU HỌC THEO TIẾN TRÌNH PHƯƠNG PHÁP BÀN TAY NẶN BỘT 4.1. Nội dung kiến thức có thể sử dụng phương pháp BTNB trong dạy học các môn khoa học ở trường tiểu học 4.2. Tiến trình dạy học các môn khoa học ở trường tiểu học theo phương pháp BTNB	Thuyết trình/Thảo luận nhóm/ Thực hành	Đọc tài liệu chương 4 thảo luận, thực hành	A1.1, A1.2 A2.1 A.3.1	CLO 1,2,3
11	4.3. Sử dụng phương pháp BTNB trong dạy học các môn khoa học ở tiểu học	Thuyết trình/Thảo luận nhóm/ Thực hành	Đọc tài liệu chương 4 thảo luận, thực hành	A1.1, A1.2 A2.1 A.3.1	CLO 1,2,3,4
12	4.4. Vận dụng tiến trình phương pháp Bàn tay nặn bột trong dạy học một số môn học khác ở tiểu học.	Thuyết trình/Thảo luận nhóm/	Đọc tài liệu chương 4 thảo luận, phản hồi ý kiến	A1.1, A1.2 A2.1 A.3.1	CLO 1,2,3
13	- Thực hành thiết kế và tổ chức	Thực hành	Thực hành	A1.1,	CLO

	dạy học		tập giảng	A1.2 A2.1	1,2,3,4,5
14	- Thực hành thiết kế và tổ chức dạy học	Thực hành	Thực hành tập giảng	A1.1, A1.2 A2.1	CLO 1,2,3,4,5

16. Tài liệu học tập:

16.1 Sách, bài giảng, giáo trình chính:

TL1. Nguyễn Thị Thân – Nguyễn Thị Thanh Hương (2014), *Dạy học ở tiểu học theo phương pháp Bàn tay nặn bột*, NXB Giáo dục.

16.2 Sách, tài liệu tham khảo:

TK1. Georger Charpark (chủ biên), *Bàn tay nặn bột - Khoa học ở trường tiểu học*, Dịch giả Đinh Ngọc Lân, NXBGD, 2006.

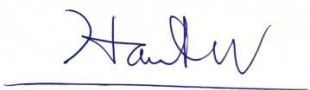
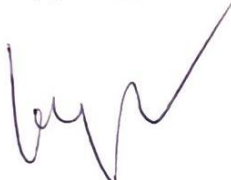
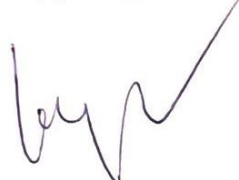
TK2. Phạm Ngọc Định, Nguyễn Thị Thanh Hương, Trần Thanh Sơn, Nguyễn Xuân Thành; *Tài liệu tập huấn về Phương pháp Bàn tay nặn bột trong dạy học các môn khoa học cấp Tiểu học và cấp Trung học cơ sở*, 2012.

TK3. Nguyễn Trại (chủ biên); *Sổ tay kiến thức khoa học và đời sống dành cho học sinh tiểu học*, NXBGD, 2009.

TK4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, SGK, SGV các môn học ở tiểu học.

17. Ngày phê duyệt: Tháng 6/2019

18. Cấp phê duyệt:

Trưởng khoa	Tổ trưởng Bộ môn (Phụ trách CTĐT)	Giảng viên biên soạn
 TS. Hoàng Nam Hải	 ThS. Nguyễn Phan Lâm Quyền	 ThS. Nguyễn Phan Lâm Quyền

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành/Chuyên ngành: Giáo dục tiểu học
Mã số: 32201

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: CƠ SỞ KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC Ở TIỂU HỌC
Tên tiếng Anh: NATURAL SCIENCE BASIS AND TEACHING METHODS IN PRIMARY

1. Mã học phần:	32231080
2. Ký hiệu học phần:	
3. Số tín chỉ:	3 TC (*)
4. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	1 TC (số tiết)
- Bài tập/Thảo luận:	1 TC (số tiết)
- Thực hành/Thí nghiệm:	1 TC (số tiết)
- Tự học:	40 iết
5. Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Nguyễn Phan Lâm Quyên
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Trần Thị Kim Cúc
- Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Tự nhiên và PPDH
6. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	
7. Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
8. Thuộc khối kiến thức	☐ Kiến thức chung ☐ Kiến thức Cơ sở ngành ☒ Kiến thức Chuyên ngành

9. Mô tả tóm tắt học phần

Cơ sở Khoa học Tự nhiên và Phương pháp dạy học ở tiểu học là một môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tự nhiên và xã hội (chủ đề sinh học, vật chất và năng lượng) có liên quan trong chương trình các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học; những vấn đề chung về lí luận dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội; hình thành và phát triển cho sinh viên kĩ năng dạy học môn Tự nhiên - Xã hội, môn Khoa học ở tiểu học. Cùng với học phần Cơ sở Khoa học Xã hội và Phương pháp dạy học ở tiểu học, nó góp phần trang bị cho sinh viên đầy đủ hệ thống kiến thức cơ bản về tự nhiên- xã hội và kĩ năng dạy học các môn học về tự nhiên – xã hội ở bậc tiểu học.

Đây là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được bố trí ở học kì 4 năm thứ hai dành cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học.

10. Mục tiêu của học phần:

TT	Mã mục tiêu của học phần	Tên mục tiêu
1	MT1	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về khoa học tự nhiên (chủ đề sinh học, vật chất và năng lượng) có liên quan

		trong chương trình các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học; những vấn đề chung về lí luận dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội.
2	MT2	Hình thành và phát triển cho sinh viên kỹ năng tìm hiểu về kiến thức khoa học tự nhiên có liên quan trong chương trình các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học; kỹ năng dạy học môn Tự nhiên - Xã hội, môn Khoa học ở tiểu học.
3	MT3	Hình thành và phát triển cho sinh viên thái độ yêu thích môn học, ngành học. Có ý thức tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới, vận dụng linh hoạt trong dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội.

11. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng:

STT	Chuẩn đầu ra học phần (CLO) (6)
1	Phân tích và vận dụng được các kiến thức cơ bản về nội dung thực vật, động vật trong dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học
2	Phân tích và vận dụng được các kiến thức cơ bản về nội dung con người và sức khỏe trong dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học
3	Phân tích và vận dụng được các kiến thức cơ bản về nội dung vật chất và năng lượng trong dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học
4	Thực hiện được các kỹ năng tìm tòi nghiên cứu, thực hành, quan sát, thí nghiệm,...
5	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên trong giải quyết các tình huống sư phạm nảy sinh trong quá trình dạy học và tổ chức các hoạt động trải nghiệm các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học.
6	Sử dụng và phối hợp được các phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá hiệu quả trong dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội.
7	Thiết kế và tổ chức dạy học được các tiết học môn Tự nhiên và Xã hội, môn Khoa học ở tiểu học theo tinh thần đổi mới phương pháp dạy học.

12. Mối liên hệ của CDR học phần (CLOs) đến CDR Chương trình đào tạo (PLOs):

PLO	PLO 1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15
Mức độ tương quan (10)															
CLO 1				M	M										
CLO 2				M	M						M				
CLO 3				M	M										
CLO 4				M	M										
CLO5				M	M										
CLO 6				M	M						H				M

CLO7				M	M						H			M
------	--	--	--	---	---	--	--	--	--	--	---	--	--	---

Chú thích (10):

- Nhận định H/ M/ L đến từ phân bố trình tự chủ đề CDR CTĐT vào các học phần, được thể hiện qua ma trận học phần trình bày trong cuốn đặc tả CTĐT. Cấp độ H/ M/ L không phụ thuộc số lần check X trong mỗi cột PLOj mà tùy thuộc mức độ đóng góp kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của học phần đó vào từng PLOj, cụ thể qua 3 mức H = U (Utilize); M = T (Teach); L = I (Introduce) .

- CLOi nào có đóng góp vào một PLOj cụ thể thì check X. Mỗi CLOi không nên đóng góp vào nhiều PLOj. Có thể có PLOj nào đó không được đóng góp bởi học phần này.

13. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

14. Đánh giá học phần:

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác ... (11).

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Đánh giá chuyên cần	P1.1. Đánh giá việc tham gia đầy đủ và tích cực hoạt động trên lớp	R1	W1.1 50	W1 (20%)	CLO 1,2,3,4,5,6 ,7
	A1.2 Bài tập nhóm	P1.2. Đánh giá sản phẩm nhóm	R5	W1.2 50		CLO 1,2,3,4,5,6 ,7
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài tập cá nhân	P2.1 Đánh giá sản phẩm cá nhân	R2	W2.1 100	W2 (30%)	CLO 1,2,3,4,5,6 ,7
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Tự luận	P3.1 Đánh giá bài viết cá nhân	R5	W3.1 100	W3 (50%)	CLO 1,2,3,4,5,6 ,7

Ghi chú:

W1 = 20% (Trọng số 0.2)

W2= 30% (Trọng số 0.3)

W3 = 50% (Trọng số 0.5)

Chú thích (11):

- Tất cả Thành phần ĐG, Bài ĐG, Phương pháp ĐG, Rubric, Trọng số bài đánh giá, Trọng số thành phần nên được mã hóa và được định nghĩa để hoạt động đánh giá người học được chính xác, tin cậy và công bằng.
- Ghi chú: W3 = 50% (Trọng số 0.5);
- Khi thực hiện một bài đánh giá cụ thể cho một hoặc một số CDR cụ thể, cần chú ý:
 - a) Đảm bảo đã tổ chức hoạt động dạy, học cho kiến thức/kỹ năng tương ứng
 - b) Bài đánh giá phải có câu hỏi/ thành phần được thiết kế, và ghi rõ phục vụ đánh giá CDR cụ thể nào
 - c) Kết quả đánh giá không chỉ dùng để tính điểm GPA mà được dùng để phân tích mức độ đạt được từng CDR của từng người học và của cả lớp học phần, của học phần (nếu có nhiều lớp được tổ chức dạy song song).

15. Kế hoạch giảng dạy và học

Tuần/ Buổi (3 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	PHẦN 1 CHƯƠNG 1: THỰC VẬT 1.1.Khái quát về thực vật 1.2.Các cơ quan sinh dưỡng của thực vật 1.3.Sự sinh sản và các cơ quan sinh sản của thực vật 1.4.Ảnh hưởng của các nhân tố vô sinh đến đời sống thực vật	- Thuyết trình: giới thiệu môn học, cách đánh giá -Thuyết trình vấn đề, hỏi đáp, thảo luận nhóm	Đọc tài liệu chương 1; lắng nghe, phản hồi ý kiến	A1.1, A1.2 A2.1 A.3.1	CLO 1
2	CHƯƠNG 2: ĐỘNG VẬT 2.1.Khái quát về động vật 2.2.Đặc điểm sinh học của một số động vật thường gặp 2.3.Ảnh hưởng của các nhân tố vô sinh lên đời sống động vật và sự thích nghi của chúng	Hỏi đáp/Thảo luận nhóm	Đọc tài liệu chương 2; thảo luận, báo cáo	A1.1, A1.2 A2.1 A.3.1	CLO 2
3	CHƯƠNG 3: CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE 3.1.Khái quát về cơ thể người 3.2.Một số bệnh thông thường và các tai nạn thường gặp ở học sinh tiểu học	Thuyết trình/Thảo luận nhóm	Đọc tài liệu chương 3 thảo luận, phản hồi ý kiến	A1.1, A1.2 A2.1 A.3.1	CLO 3

4	CHƯƠNG 4: VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG 4.1. Khái quát về nước, không khí, ánh sáng, âm thanh 4.2. Một số kim loại thông dụng 4.3. Một số vật liệu thông dụng 4.4. Một số nguồn năng lượng	Seminar /Thảo luận nhóm	Đọc tài liệu chương 4 thảo luận, phản hồi ý kiến	A1.1, A1.2 A2.1 A.3.1	CLO 4
5	PHẦN 2 - CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG 1.1. Các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học 1.2. Phương pháp dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học	Seminar /Thảo luận nhóm	Đọc tài liệu chương 1 thảo luận, phản hồi ý kiến	A1.1, A1.2 A2.1 A.3.1	CLO 5,6,7
6	1.2. Phương pháp dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học (tt)	Thuyết trình/Thảo luận nhóm	Đọc tài liệu chương 3; thảo luận, phản hồi ý kiến	A1.1, A1.2 A2.1 A.3.1	CLO 5,6,7
7	1.3. Hình thức tổ chức dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học	Thuyết trình/Thảo luận nhóm/ Thực hành	Đọc tài liệu chương 3 thảo luận, thực hành	A1.1, A1.2 A2.1 A.3.1	CLO 5,6,7
8	1.4. Phương tiện dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học	Thuyết trình/Thảo luận nhóm/ Thực hành	Đọc tài liệu chương 3 thảo luận, thực hành	A1.1, A1.2 A2.1 A.3.1	CLO 5,6,7
9	1.5. Kiểm tra và đánh giá trong các môn về tự nhiên và xã hội ở tiểu học	Thuyết trình/Thảo luận nhóm/ Thực hành	Đọc tài liệu chương 3 thảo luận, thực hành	A1.1, A1.2 A2.1 A.3.1	CLO 5,6,7
10	CHƯƠNG 2	Thuyết	Đọc tài liệu	A1.1,	CLO 5,6,7

	HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2.1.Chương trình và sách giáo khoa môn học Tự nhiên và Xã hội 2.2.Hướng dẫn dạy học các chủ đề	trình/Thảo luận nhóm/ Thực hành	chương 4 thảo luận, thực hành	A1.2 A2.1 A.3.1	
11	2.2.Hướng dẫn dạy học các chủ đề (tt)	Thuyết trình/Thảo luận nhóm/ Thực hành	Đọc tài liệu chương 4 thảo luận, thực hành	A1.1, A1.2 A2.1 A.3.1	CLO 5,6,7
12	CHƯƠNG 3 HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN KHOA HỌC 3.1.Chương trình và sách giáo khoa môn học Khoa học 3.2.Hướng dẫn dạy học các chủ đề	Thuyết trình/Thảo luận nhóm/	Đọc tài liệu chương 4 thảo luận, phản hồi ý kiến	A1.1, A1.2 A2.1 A.3.1	CLO 5,6,7
13	3.2.Hướng dẫn dạy học các chủ đề (tt)	Thực hành	Thực hành tập giảng	A1.1, A1.2 A2.1	CLO 5,6,7
14	- Thực hành thiết kế và tổ chức dạy học	Thực hành	Thực hành tập giảng	A1.1, A1.2 A2.1	CLO 5,6,7

16.Tài liệu học tập:

16.1. Sách, bài giảng, giáo trình chính:

TL1. Nguyễn Thị Thân (Chủ biên) (2018), *Giáo trình Cơ sở tự nhiên và xã hội*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

TL2. Nguyễn Thị Thân (chủ biên) (2009), *Giáo trình Phương pháp dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

16.2. Sách, tài liệu tham khảo:

TK1. Thái Trần Bái- Nguyễn Văn Khang (1999), *Động vật không xương sống*, NXB Giáo dục.

TK2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *SGK, SGV Tự nhiên và Xã hội, Khoa học*

TK3. Trần Kiên (chủ biên) (1999), *Động vật có xương sống*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

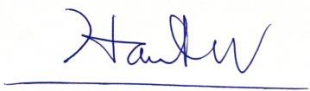
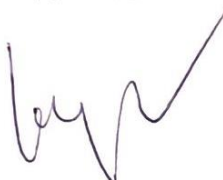
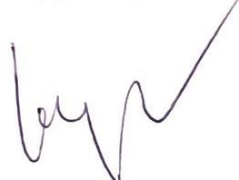
Khoa Giáo dục Tiểu học

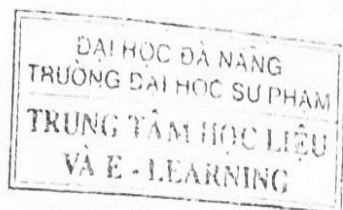
TK4. Đỗ Trần Cát (chủ biên) (1999), *Vật lí đại cương*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

TK5. Nguyễn Thế Ngôn (2003), *Hóa học vô cơ*, NXB Giáo dục.

17. **Ngày phê duyệt:** Tháng 6/2019

18. **Cấp phê duyệt:**

Trưởng khoa	Tổ trưởng Bộ môn (Phụ trách CTĐT)	Giảng viên biên soạn
 TS. Hoàng Nam Hải	 ThS. Nguyễn Phan Lâm Quyền	 ThS. Nguyễn Phan Lâm Quyền



TRƯỞNG KHOA

A handwritten signature in black ink, appearing to read "Hanh", written over a horizontal line.

TS. HOÀNG NAM HẢI